

Chương 5

ĐIỀU QUAN TRỌNG LÀ ĐỘNG CƠ

Immanuel Kant

Nếu bạn tin vào nhân quyền phổ cập, có lẽ bạn không phải là một người theo chủ nghĩa thỏa dụng. Nếu mọi người đều đáng tôn trọng, bất kể họ là ai hay họ sống ở đâu, thì thật là sai trái khi đối xử với họ như những công cụ thuần túy cho hạnh phúc tập thể.

Bạn có thể bảo vệ nhân quyền trên cơ sở cho rằng tôn trọng nhân quyền sẽ tối đa hóa độ thỏa dụng trong dài hạn. Tuy nhiên, trong trường hợp đó, lý do tôn trọng nhân quyền của bạn không phải là tôn trọng những người có quyền, mà là làm cho sự việc tốt hơn đối với mọi người. Việc lên án tình huống đưa trẻ đau khổ vì điều đó làm giảm độ thỏa dụng chung là một chuyện, và việc chỉ trích tình huống đó như sự sai trái nội tại về đạo lý, như sự bất công đối với đứa bé, là một chuyện khác.

Nếu nhân quyền không dựa vào độ thỏa dụng, vậy thì cơ sở đạo lý của nhân quyền là gì? Những người theo chủ nghĩa tự do có một câu trả lời khá dĩ: không nên sử dụng con người như phương tiện thuần túy để đạt được phúc lợi của người khác, vì làm như thế là vi phạm quyền cơ bản về sự sở hữu chính bản thân của mỗi người. Cuộc đời tôi, lao động của tôi, và con người tôi là thuộc về tôi và duy nhất mình tôi. Xã hội trên bình diện tổng thể không được tùy ý sử dụng những cái đó.

Tuy nhiên, như ta đã thấy, ý tưởng sở hữu bản thân, khi được áp dụng một cách bất di bất dịch, sẽ có những tác động mà chỉ có những người theo chủ nghĩa tự do cuồng nhiệt mới có thể yêu thích – một thị trường tự do không có mạng lưới an toàn cho những người bị tụt lại phía sau; một nhà nước tối thiểu, bác bỏ hầu hết các biện pháp giúp xoa dịu tình trạng bất bình đẳng và đẩy mạnh hàng hóa chung; và tán dương sự thỏa mãn ý thích một cách hoàn toàn đến mức cho phép sự lãng mạ nhân phẩm con người tự đặt ra, như tục ăn thịt người đồng thuận hay bán mình làm nô lệ.

Ngay cả John Locke (1632-1704), nhà lý thuyết vĩ đại về quyền sở hữu và chính phủ hạn chế, cũng không khẳng định quyền sở hữu bản thân vô hạn. Ông phản bác quan niệm cho rằng ta có thể tùy ý sử dụng cuộc đời ta và tự do bất kể mức độ nào ta ưa thích. Nhưng lý thuyết về các quyền không thể nhượng lại của ông, viện dẫn đến Đức Chúa, đặt ra một vấn đề cho những người tìm kiếm cơ sở đạo lý cho nhân quyền mà không dựa vào các giả định tôn giáo.

Lập luận của Kant về quyền

Immanuel Kant (1724-1804) đưa ra một lập luận khác về nghĩa vụ và quyền lợi, một trong những lập luận thuyết phục và ảnh hưởng nhất mà bất kỳ một triết gia nào từng xây dựng. Nó không phụ thuộc vào ý tưởng cho rằng cuộc sống và nền tự do của ta là một món quà của Chúa. Thay vì

thế, nó phụ thuộc vào ý tưởng cho rằng ta là những con người duy lý, xứng với nhân phẩm và sự tôn trọng.

Kant ra đời ở thành phố Königsberg thuộc miền đông nước Phổ vào năm 1724 và qua đời ở đó khoảng tám mươi năm sau. Ông xuất thân từ một gia đình bình thường. Cha ông là một người thợ làm yên ngựa và cha mẹ ông là những người mộ đạo theo một giáo phái Tin Lành, chú trọng vào cuộc sống tôn giáo nội tâm và làm điều tốt.

Ông thể hiện sự vượt trội ở trường Đại học Königsberg, nơi ông theo học vào năm 16 tuổi. Trong một thời gian, ông làm việc như một thầy giáo tại gia, rồi sau đó, ở tuổi 31, ông nhận được công việc học thuật đầu tiên, như một giảng viên không hưởng lương, mà thu nhập của ông dựa vào số sinh viên tham gia các buổi giảng của ông. Ông là một giảng viên cần cù và được ưa thích, giảng khoảng hai mươi bài giảng một tuần về các đề tài như siêu hình học, luận lý học, đạo đức học, luật pháp, địa lý, và nhân loại học.

Năm 1781, ở tuổi 57, ông xuất bản quyển sách lớn đầu tiên, *Phê phán lý tính thuần túy* (*The Critique of Pure Reason*), thách thức lý thuyết về tri thức của những người theo chủ nghĩa kinh nghiệm gắn liền với David Hume và John Locke. Bốn năm sau, ông xuất bản cuốn *Nền tảng của siêu hình học đạo lý* (*Groundwork for the Metaphysics of Morals*), nghiên cứu đầu tiên trong một vài công trình nghiên cứu của ông về triết lý đạo đức. Ra đời năm năm sau cuốn *Các nguyên tắc của đạo lý và pháp luật* (*Principles of Morals and Legislation*) (1780) của Jeremy Bentham, cuốn *Nền tảng của siêu hình học đạo lý* (gọi tắt là *Nền tảng*) của Kant đã phát động một phong trào chỉ trích kịch liệt chủ nghĩa thỏa dụng. Quyển sách sách lập luận rằng đạo lý không phải là về tối đa hóa hạnh phúc hay bất kỳ một mục đích nào khác. Thay vì thế, đạo lý là về việc tôn trọng con người như một mục đích tự thân.

Quyển sách *Nền tảng* của Kant xuất hiện ngay sau cuộc Cách mạng Mỹ (1776) và ngay trước cuộc Cách mạng Pháp (1789). Phù hợp với tinh thần và sức mạnh đạo lý của các cuộc cách mạng này, quyển sách mang lại một nền tảng thuyết phục cho cái mà các nhà cách mạng thế kỷ 18 gọi là quyền con người, và cái mà vào đầu thế kỷ hai mươi chúng ta gọi là nhân quyền phổ cập.

Triết lý của Kant thật khó lĩnh hội. Nhưng đừng để điều đó làm bạn sợ mà tránh xa. Việc tìm hiểu cũng đáng bỏ công, vì phần thưởng thật là to lớn. Quyển sách *Nền tảng* đưa ra một câu hỏi lớn: Nguyên tắc tối thượng của đạo lý là gì? Và trong tiến trình trả lời câu hỏi này, quyển sách hướng tới một câu hỏi hết sức quan trọng khác: Tự do là gì?

Giải đáp của Kant cho những câu hỏi này vẫn ảnh hưởng đến triết lý đạo đức và chính trị kể kể từ bây giờ. Nhưng ảnh hưởng lịch sử của ông không phải là nguyên nhân duy nhất khiến ta chú ý đến ông. Cho dù lý thuyết của Kant thoát nhìn qua xem ra có thể làm ta dễ nản lòng, nhưng thật ra nó thấm nhuần trong tư duy đương đại về đạo lý và chính trị, ngay cả nếu ta không nhận thức được nó. Vì thế, hiểu được Kant không chỉ là một bài tập triết học, mà còn là một cách để xem xét một số giả định then chốt ngầm ẩn trong đời sống công chúng.

Sự nhấn mạnh vào nhân phẩm con người thấm nhuần trong khái niệm thời nay về nhân quyền phổ cập. Quan trọng hơn, lập luận của ông về tự do cũng bộc lộ trong nhiều cuộc tranh luận đương đại về công lý. Trong phần giới thiệu quyển sách này, tôi đã phân biệt ba cách tiếp cận

với công lý. Cách tiếp cận của những người theo chủ nghĩa thỏa dụng cho rằng, cách định nghĩa công lý và xác định điều đúng đắn phải làm là xem thử điều gì sẽ giúp tối đa hóa phúc lợi, hay hạnh phúc chung của xã hội trên bình diện tổng thể. Cách tiếp cận thứ hai liên hệ công lý với tự do. Những người theo chủ nghĩa tự do đưa ra một ví dụ về cách tiếp cận này. Họ nói cách phân phối thu nhập và của cải công bằng là bất kể cách phân phối nào phát sinh từ sự tự do trao đổi hàng hóa và dịch vụ trong một xã hội không bị bó buộc. Họ cho rằng việc điều tiết thị trường là không công bằng, vì nó vi phạm sự tự do chọn lựa của cá nhân. Cách tiếp cận thứ ba nói rằng, công lý có nghĩa là trao cho con người những gì họ xứng đáng về mặt đạo lý – phân bổ hàng hóa để ban thưởng và nâng cao đạo đức. Như ta sẽ thấy khi ta chuyển sang Aristotles (chương 8), cách tiếp cận dựa vào đạo đức liên hệ công lý với sự tư duy về cuộc sống tốt đẹp.

Kant bác bỏ cách tiếp cận thứ nhất (tối đa hóa phúc lợi) và cách tiếp cận thứ ba (nâng cao đạo đức). Ông cho rằng hai cách tiếp cận đó không tôn trọng tự do của con người. Vì thế, Kant là người nhiệt liệt ủng hộ cách tiếp cận thứ hai – cách tiếp cận liên hệ công lý với đạo lý của tự do. Nhưng ý tưởng tự do mà ông đưa ra thì có tính chất khắt khe – khắt khe hơn sự tự do chọn lựa mà ta thực hiện khi mua và bán hàng hóa trên thị trường. Kant lập luận, cái mà chúng ta thường nghĩ là một thị trường tự do hay chọn lựa của người tiêu dùng thì không thật sự tự do, vì nó chỉ đơn thuần liên quan đến sự thỏa mãn những mong muốn mà ta đã không lựa chọn ngay từ đầu.

Trong chốc lát, chúng ta sẽ tìm hiểu ý tưởng thỏa đáng hơn của Kant về tự do. Nhưng trước khi làm điều đó, ta hãy xem xét lý do khiến ông nghĩ những người theo chủ nghĩa thỏa dụng là sai khi cho rằng công lý và đạo lý là vấn đề tối đa hóa hạnh phúc.

Trục trặc với việc tối đa hóa hạnh phúc

Kant phản bác chủ nghĩa thỏa dụng. Ông lập luận, thông qua đặt các quyền của con người dựa vào sự tính toán về điều gì sẽ mang lại hạnh phúc lớn nhất, chủ nghĩa thỏa dụng đã làm cho quyền của con người dễ bị tổn thương. Lại còn có một vấn đề sâu xa hơn: cố gắng suy ra các nguyên tắc đạo lý từ những mong muốn mà ta ngẫu hứng có được là một cách nghĩ sai về đạo lý. Chỉ vì một điều gì đó làm cho nhiều người vui thích không có nghĩa rằng đó là điều phải. Chỉ với sự kiện là số đông, bất kể bao nhiêu người, thích một luật lệ nào đó, bất kể mãnh liệt đến mức nào, thì không thể làm cho luật đó trở nên công bằng.

Kant lập luận rằng đạo lý không thể chỉ dựa vào những xem xét kinh nghiệm, như quyền lợi, mong muốn, mơ ước và sở thích của con người vào một lúc nào đó. Ông chỉ ra, những yếu tố này thay đổi và ngẫu hứng, nên không thể đóng vai trò nền tảng cho các nguyên tắc đạo lý phổ cập – như nhân quyền. Nhưng nhận định cơ bản hơn của Kant là, việc đặt các nguyên tắc đạo lý dựa vào sở thích và mơ ước – ngay cả ước mơ hạnh phúc – đã hiểu sai ý nghĩa của đạo lý. Nguyên tắc hạnh phúc của những người theo chủ nghĩa thỏa dụng “không đóng góp được bất cứ điều gì cho việc xây dựng đạo lý, vì làm cho người ta hạnh phúc thì khác với việc làm cho người ta trở nên tốt đẹp, và làm cho người ta thận trọng hay sắc sảo khi đi tìm lợi thế của họ thì khác với việc làm cho họ trở nên có đạo đức. Đặt đạo lý dựa vào quyền lợi và sở thích làm phá hỏng nhân phẩm. Điều đó không dạy ta cách phân biệt phải trái, mà “chỉ trở nên tính toán giỏi hơn.”

Nếu như mong muốn và mơ ước của ta không thể là cơ sở cho đạo lý, thì còn lại gì? Một khả năng là Đức Chúa. Nhưng đó không phải là câu trả lời của Kant. Cho dù là một người theo đạo

Cơ đốc, Kant không đặt đạo lý dựa trên quyền lực thần thánh. Thay vì thế, ông lập luận rằng ta có thể đi đến nguyên tắc tối thượng của đạo lý thông qua thực hiện điều mà ông gọi là “lý tính thực tiễn thuần túy”. Theo Kant, để hiểu cách thức lý luận nhằm đi đến nguyên tắc đạo lý như thế nào, ta hãy tìm hiểu mối quan hệ chặt chẽ, như Kant đã thấy, giữa năng lực lý tính và năng lực tự do của ta.

Kant lập luận rằng mọi người đều đáng được tôn trọng, không phải vì ta sở hữu chính ta, mà vì ta là một con người duy lý, có năng lực lý tính; ta cũng là những con người tự do ý chí, có năng lực hành động và tự do chọn lựa.

Kant không nói rằng ta luôn luôn thành công trong hành động duy lý, hay trong việc chọn lựa có tự do ý chí. Đôi khi ta thành công nhưng cũng có lúc không thành công. Ý ông là ta có năng lực lý tính, năng lực tự do, và năng lực đó là chung đối với con người hiểu theo nghĩa thông thường.

Kant thừa nhận rằng năng lực lý tính của chúng ta không phải là năng lực duy nhất ta có. Ta cũng có năng lực cảm nhận niềm vui thú cũng như nỗi đau khổ. Ông công nhận rằng con người là giống hữu tình cũng như những tạo vật duy lý. Khi nói “hữu tình,” ông muốn nói ta phản ứng trước các giác quan và cảm xúc của mình. Vì thế Bentham nói đúng, nhưng chỉ đúng một nửa. Ông nói đúng khi nhận thấy ta thích vui thú và không thích đau buồn. Nhưng ông sai khi khẳng định rằng đó là “những vấn đề tối thượng.” Kant lập luận rằng lý tính có thể là tối thượng, chỉ ít trong những lúc nào đó. Khi lý tính chi phối ý chí của ta, ta không bị ảnh hưởng bởi mong muốn tìm kiếm niềm vui thú và tránh né nỗi đau khổ.

Năng lực lý tính của ta ràng buộc với năng lực tự do của ta. Hợp lại, các năng lực này làm cho ta khác biệt, và tách biệt ta với sự tồn tại động vật thuần túy. Các năng lực này làm cho ta không phải chỉ đơn thuần là những tạo vật của lòng thèm muốn.

Tự do là gì?

Để hiểu triết lý đạo đức của Kant, ta cần hiểu quan niệm của ông về tự do là gì. Ta thường nghĩ tự do là làm những điều ta muốn mà không có trở ngại gì. Kant không đồng ý như vậy. Ông có một khái niệm nghiêm ngặt và khắt khe hơn về tự do.

Kant lý luận như sau: Khi chúng ta, như một động vật, đi tìm niềm vui thú hay tránh né nỗi đau khổ, ta không thật sự hành động một cách tự do. Ta hành động như nô lệ của lòng thèm muốn và khao khát của ta. Tại sao? Bất kỳ khi nào ta tìm cách thỏa mãn mong muốn của ta, mọi điều ta làm là vì một mục đích cho trước bên ngoài chúng ta. Tôi đi đường này để xoa dịu cơn đói của tôi; tôi đi đường kia để làm nguôi cơn khát của tôi.

Giả sử tôi đang quyết định xem tôi nên chọn vị kem nào: Tôi nên chọn vị chocolate, vanilla, hay kem có vụn kẹo bơ? Tôi có thể cho rằng mình đang thực hiện quyền tự do chọn lựa, nhưng những gì tôi làm thật ra là cố gắng tìm xem vị kem nào sẽ thỏa mãn sở thích của tôi nhất – cái sở thích mà tôi đã không chọn ngay từ đầu. Kant không nói việc thỏa mãn sở thích của ta là sai trái. Quan điểm của ông là, khi ta làm thế, ta không hành động một cách tự do, mà hành động dựa vào sự xác định cho trước bên ngoài chúng ta. Suy cho cùng, tôi đã không chọn cái mong muốn kem vị kẹo bơ hơn kem vị vanilla. Mà tôi chỉ có cái mong muốn đó mà thôi.

Vài năm trước đây, nước giải khát Sprite có một khẩu hiệu quảng cáo: “Hãy tuân theo cơn khát của bạn.” Quảng cáo của Sprite giúp ta hiểu thấu ý tưởng của Kant (rõ ràng là tình cờ). Khi tôi chọn một lon nước ngọt Sprite (hay Pepsi hay Coca), tôi hành động vì sự tuân thủ, chứ không phải vì sự tự do. Tôi đang phản ứng trước một mong muốn mà tôi đã không chọn từ trước. Tôi đang tuân theo cơn khát của mình.

Người ta thường lập luận về vai trò của tự nhiên và tu dưỡng trong định hình hành vi. Liệu mong muốn có một lon nước ngọt Sprite (hay một thức uống có đường khác) đã được khắc sâu trong gen di truyền của ta hay chỉ là cảm ứng do quảng cáo? Đối với Kant, việc tranh luận này là lạc đề. Bất kỳ khi nào hành vi của tôi được xác định bằng sinh học hay dựa vào điều kiện xã hội, hành vi ấy không còn thật sự tự do nữa. Theo Kant, hành động một cách tự do là hành động một cách tự do ý chí. Và hành động một cách tự do ý chí là hành động căn cứ vào một luật lệ mà tôi tự đặt ra cho mình – chứ không phải căn cứ vào tiếng gọi của tự nhiên hay thông lệ xã hội.

Để hiểu ý nghĩa của hành động tự do ý chí theo quan điểm của Kant, ta hãy so sánh tính tự do ý chí (autonomy) với điều ngược lại. Kant sáng chế ra một từ để thể hiện điều ngược lại này: ngoại ý chí (heteronomy). Khi tôi hành động một cách ngoại ý chí, tôi hành động căn cứ vào những yếu tố xác định đã cho bên ngoài con người tôi. Đây là một ví dụ minh họa: Khi bạn thả rơi một quả bóng billiard, quả bóng rơi xuống đất. Khi rơi, quả bóng không hành động một cách tự do; sự chuyển động của nó tuân theo qui luật tự nhiên, trong trường hợp này là qui luật trọng lực.

Giả sử tôi rơi (hay tôi bị đẩy xuống) từ tòa nhà Empire State. Khi tôi đổ ầm xuống đất, không ai nói tôi hành động một cách tự do; chuyển động của tôi tuân theo qui luật trọng lực, hệt như quả bóng billard.

Bây giờ giả sử tôi rơi đè lên một người và làm người ấy chết. Tôi sẽ không chịu trách nhiệm đạo lý cho cái chết đáng tiếc ấy, hệt như quả bóng sẽ không chịu trách nhiệm đạo lý nếu nó rơi từ rất cao và trúng đầu ai đó. Trong cả hai trường hợp, không vật thể rơi nào – tôi cũng như quả bóng – hành động một cách tự do. Trong cả hai trường hợp, vật thể rơi bị chi phối bởi qui luật trọng lực. Vì không có tự do ý chí, trên không thể có trách nhiệm đạo lý.

Như vậy, đây là sự liên kết giữa tự do theo nghĩa tự do ý chí và ý tưởng đạo lý của Kant. Hành động tự do không có nghĩa là chọn lựa phương tiện tốt nhất ứng với một mục đích cho trước; mà hành động tự do là sự lựa chọn chính bản thân mục đích, vì chính mục đích ấy – sự lựa chọn mà con người có thể thực hiện nhưng quả bóng billard (và hầu hết động vật) không thể thực hiện.

Con người và sự vật

Bây giờ là 3 giờ sáng, và người bạn học cùng phòng hỏi bạn tại sao lại thức khuya đến thế khi bạn đang suy nghĩ về tình thế khó khăn về đạo lý liên quan đến chiếc xe goòng đang chạy.

Bạn đáp: “Để viết một bài luận hay cho môn học Đạo lý 101.”

Người bạn cùng phòng hỏi: “Nhưng tại sao phải viết một bài luận hay làm gì?”

“Để được điểm cao.”

“Nhưng tại sao lại quan tâm đến điểm?”

“Để có việc làm trong ngành ngân hàng đầu tư.”

“Nhưng tại sao lại kiếm việc làm trong ngành ngân hàng đầu tư làm gì?”

“Để ngày nào đó trở thành một giám đốc quỹ phòng ngừa rủi ro.”

“Nhưng sao lại trở thành giám đốc quỹ phòng ngừa rủi ro?”

“Để kiếm được nhiều tiền.”

“Nhưng sao lại kiếm nhiều tiền làm gì?”

“Để thường xuyên được ăn tôm hùm, vì tớ thích món đó. Suy cho cùng, tớ là một sinh vật duy lý. Đó là lý do khiến tớ thức khuya suy nghĩ về những chiếc xe goòng đang chạy!”

Đây là một ví dụ về cái mà Kant gọi là sự xác định ngoại ý chí – làm điều gì đó vì lợi ích của một điều khác, vì lợi ích của một điều khác nữa, và cứ thế. Khi ta hành động ngoại ý chí, ta hành động vì những mục đích được cho bên ngoài ta. Ta là công cụ, chứ không phải tác giả của mục đích mà ta theo đuổi.

Quan niệm của Kant về tự do ý chí đối lập với sự xác định ngoại ý chí này. Khi ta hành động một cách tự do ý chí, căn cứ theo một quy luật ta dành cho chính mình, ta làm điều đó vì chính nó, như một mục đích tự thân. Ta không còn là một công cụ của những mục đích bên ngoài ta nữa. Năng lực hành vi tự do ý chí này là điều mang lại cho cuộc sống con người một nhân phẩm đặc biệt. Nó làm nên sự khác biệt giữa con người và sự vật.

Đối với Kant, tôn trọng nhân phẩm con người có nghĩa là đối xử với con người như một mục đích tự thân. Đó là lý do khiến người ta sai trái khi sử dụng con người vì phúc lợi chung, như tư tưởng của chủ nghĩa thỏa dụng. Đẩy người đàn ông to lớn vào đường ray để chặn chiếc xe goòng là sử dụng người ấy như một phương tiện, và như thế là không tôn trọng con người như một mục đích tự thân. Một người theo chủ nghĩa thỏa dụng đã được khai sáng (như Mill) có thể từ chối xô người đàn ông xuống đường ray, do quan ngại đến ảnh hưởng thứ cấp là làm giảm độ thỏa dụng trong dài hạn. (Chẳng bao lâu sau người ta sẽ sợ đứng trên cầu chẳng hạn v.v...) Nhưng Kant sẽ cho rằng đây là một lý luận sai trái cho việc không đẩy người đàn ông ra khỏi cầu. Hành động đó vẫn xem người suýt thành nạn nhân này như một công cụ, một đối tượng, một phương tiện vì hạnh phúc của người khác. Hành động để cho anh ta sống không phải vì lợi ích của chính anh ta, mà để cho những người khác có thể qua cầu mà không suy đi nghĩ lại.

Điều này làm phát sinh câu hỏi về điều làm cho một hành động trở nên xứng đáng về mặt đạo lý. Câu hỏi đó đưa ta đi từ ý tưởng đặc biệt khắt khe của Kant về tự do đến quan niệm cũng khắt khe không kém của ông về đạo lý.

Đạo lý là gì? Hãy tìm động cơ

Theo Kant, giá trị đạo lý của một hành động không nằm ở những hệ quả đến từ hành động đó, mà nằm ở dự định mà từ đó hành động được thực hiện. Điều quan trọng là động cơ, và động cơ phải thuộc một loại nhất định. Điều quan trọng là, ta làm điều phải vì đó là điều phải, chứ không vì một động cơ kín đáo nào đó.

Kant viết: “Một ý chí tốt đẹp chẳng phải tốt đẹp vì nó ảnh hưởng đến cái gì hay nó đạt được điều gì. Tự thân nó là tốt đẹp, bất kể nó có thắng thế hay không. Ngay cả nếu ... ý chí này hoàn toàn thiếu sức mạnh để thực hiện các dự định của nó; nếu thông qua những nỗ lực tốt nhất mà nó vẫn không đạt được điều gì ... ngay cả khi đó nó vẫn tỏa sáng như chính bản thân một hòn ngọc, như một điều gì đó tự thân nó vẫn nguyên vẹn giá trị.”

Để một hành động là một điều tốt về mặt đạo lý, thì “việc hành động đó *tuân thủ* nguyên tắc đạo lý vẫn không đủ - nó phải được thực hiện vì nguyên tắc đạo lý.” Và động cơ mang lại giá trị đạo lý cho một hành động là động cơ trách nhiệm (motive of duty), qua đó Kant muốn nói đến việc làm điều đúng đắn vì lý do đúng đắn.

Khi nói rằng chỉ có động cơ trách nhiệm mới mang lại giá trị đạo lý cho một hành động, Kant chưa nói ta có những trách nhiệm cụ thể gì. Ông chưa cho ta biết nguyên tắc đạo lý tối thượng ra lệnh cho ta điều gì. Ông chỉ đơn thuần quan sát rằng, khi ta đánh giá giá trị đạo lý của một hành động, ta đánh giá động cơ mà từ đó hành động được thực hiện, chứ không phải hệ quả hành động đó tạo ra.

Nếu ta hành động vì một động cơ nào đó khác với trách nhiệm, như quyền lợi cá nhân chẳng hạn, hành động của ta thiếu giá trị đạo lý. Kant khẳng định, điều này là đúng, không chỉ với quyền lợi cá nhân mà với bất kỳ mọi nỗ lực nào nhằm thỏa mãn mong muốn, mơ ước, sở thích và lòng thèm muốn của ta. Kant so sánh các động cơ này – mà ông gọi là động cơ xu hướng (motive of inclination) – với động cơ trách nhiệm. Và ông khẳng định rằng chỉ có những hành động được thực hiện vì động cơ trách nhiệm mới có giá trị đạo lý.

Người bán hàng tính toán và Văn phòng Kinh doanh Tốt hơn

Kant đưa ra một vài ví dụ làm sáng tỏ sự khác biệt giữa trách nhiệm và xu hướng. Động cơ trách nhiệm liên quan đến một người bán hàng thận trọng. Một khách hàng thiếu kinh nghiệm, ví dụ như một đứa trẻ bước vào cửa hàng để mua một ổ bánh mì. Người bán hàng có thể tính quá giá cho cậu bé, một mức giá cao hơn giá thông thường của một ổ bánh, và cậu bé không biết. Nhưng người bán hàng nhận thấy, nếu những người khác khám phá ra anh lợi dụng cậu bé bằng cách này, tin đồn sẽ lan truyền và ảnh hưởng đến việc kinh doanh của anh. Vì lý do đó, anh quyết định không tính giá quá cao cho cậu bé. Anh tính giá bình thường. Như vậy, người bán hàng đã làm điều phải, nhưng vì một lý do sai trái. Lý do duy nhất anh hành động trung thực là để bảo vệ thanh danh của anh. Người chủ cửa hàng hành động trung thực chỉ vì quyền lợi cá nhân của anh; hành động của người chủ cửa hàng thiếu giá trị đạo lý.

Một ví dụ trong thời hiện đại tương đương với câu chuyện người chủ cửa hàng của Kant có thể nhận thấy trong chiến dịch thu nạp thành viên của Văn phòng Kinh doanh Tốt hơn (BBB) của New York. Tìm cách thu nạp các thành viên mới, BBB đôi khi đăng một mục quảng cáo chiếm nguyên trang trên tờ *New York Times* với dòng tít: “Trung thực là chính sách tốt nhất. Đó cũng là chính sách có lợi nhất.” Nội dung mục quảng cáo không có sai sót gì về động cơ đang được kêu gọi:

Trung thực. Điều đó cũng quan trọng hệt như bất kỳ một tài sản nào khác. Vì một doanh nghiệp làm ăn trung thực, cởi mở, và định giá công bằng đương nhiên sẽ làm ăn thịnh

vượng. Chính vì hướng tới mục đích này mà chúng ta ủng hộ Văn phòng Kinh doanh Tốt hơn. Hãy tham gia cùng chúng tôi. Và hưởng lợi từ điều đó.

Kant sẽ không chỉ trích Văn phòng Kinh doanh Tốt hơn; thúc đẩy kinh doanh trung thực là đáng khen. Nhưng có sự khác biệt đạo lý quan trọng giữa lòng trung thực vì chính bản thân nó và lòng trung thực vì dòng cuối cùng trong bảng báo cáo lợi nhuận. Lòng trung thực trong trường hợp thứ nhất là một quan niệm nguyên tắc. Lòng trung thực trong trường hợp thứ hai là một quan niệm thận trọng. Kant lập luận rằng chỉ có quan niệm nguyên tắc mới phù hợp với động cơ trách nhiệm, động cơ duy nhất mang lại giá trị đạo lý cho một hành động.

Hay ta hãy xem ví dụ này: Vài năm trước đây, trường Đại học Maryland tìm cách chống vấn đề gian lận lan tràn bằng cách yêu cầu sinh viên ký cam kết không gian lận. Để khuyến dụ họ, sinh viên nào ký cam kết sẽ nhận được một thẻ chiết khấu mua hàng giảm giá 10 đến 25 phần trăm tại các cửa hàng địa phương. Không ai biết có bao nhiêu sinh viên cam kết không gian lận vì thẻ chiết khấu tại cửa hàng pizza địa phương. Nhưng hầu hết chúng ta sẽ đồng ý rằng sự trung thực đạt được thiếu giá trị đạo lý. (Thẻ chiết khấu có thể có mà cũng có thể không thành công trong việc giảm gian lận; tuy nhiên, vấn đề đạo lý là: liệu lòng trung thực phát sinh từ ước muốn có chiếc thẻ chiết khấu hay phần thưởng bằng tiền có giá trị đạo lý hay không. Kant sẽ trả lời là không.)

Những ví dụ này làm rõ tính hợp lý của nhận định của Kant rằng chỉ có động cơ trách nhiệm – ta làm điều gì đó vì đó là điều phải, chứ không vì nó hữu ích hay thuận tiện – mang lại giá trị đạo lý cho một hành động. Nhưng hai ví dụ khác sẽ cho ta thấy tính phức tạp trong nhận định của Kant.

Tiếp tục sống

Ví dụ thứ nhất liên quan đến trách nhiệm bảo tồn mạng sống riêng của con người, như Kant nhìn nhận. Vì hầu hết chúng ta đều có xu hướng mãnh liệt là tiếp tục sống, trách nhiệm này hiếm khi thể hiện rõ. Do đó, phần lớn sự thận trọng mà ta thực hiện để bảo tồn mạng sống của ta thiếu nội dung đạo lý. Thắt dây an toàn hay kiểm soát mức cholesterol trong các đợt kiểm tra sức khỏe là những hành động thận trọng chứ không phải hành động đạo lý.

Kant công nhận rằng thường khó mà biết con người hành động như họ vẫn hành động là vì động cơ gì. Và ông thừa nhận rằng động cơ trách nhiệm và động cơ xu hướng có thể đều cùng tồn tại. Nhận định của ông là, chỉ có động cơ trách nhiệm – làm điều gì đó vì đó là lẽ phải, chứ không phải vì điều đó có ích, hay vui thích, hay thuận tiện – mang lại giá trị đạo lý cho hành động. Ông minh họa nhận định này bằng ví dụ tự tử.

Hầu hết mọi người tiếp tục sống vì họ yêu cuộc sống, chứ không phải vì đó là trách nhiệm. Kant đưa ra một trường hợp trong đó động cơ trách nhiệm bộc lộ. Ông tưởng tượng một người bất hạnh, hết hy vọng, tuyệt vọng đến mức không còn mong muốn tiếp tục sống nữa. Nếu một người như thế vận dụng ý chí để bảo tồn mạng sống, không phải từ xu hướng, mà từ trách nhiệm, thì hành động của anh có giá trị đạo lý.

Kant không khẳng định rằng chỉ có những người bất hạnh mới hoàn thành trách nhiệm bảo tồn mạng sống. Người ta vẫn có thể yêu đời và vẫn bảo tồn mạng sống vì một lý do đúng đắn - ấy là người đó có trách nhiệm phải làm thế. Mong muốn tiếp tục sống không xói mòn giá trị đạo lý

của việc bảo tồn mạng sống, miễn là người ta thừa nhận trách nhiệm bảo tồn mạng sống của mình, và làm điều đó vì lý do này.

Kẻ ghét người có đạo lý

Có lẽ trường hợp khó nhất trong quan niệm của Kant liên quan đến cái mà ông cho là trách nhiệm giúp đỡ người khác. Một số người có lòng vị tha. Họ có lòng trắc ẩn với người khác và cảm thấy vui khi giúp đỡ người khác. Nhưng đối với Kant, làm việc tốt vì lòng trắc ẩn, “bất kể việc ấy có thể đúng đắn và tử tế đến đâu,” vẫn thiếu giá trị đạo lý. Điều này dường như phản trực giác. Chẳng lẽ một người lấy làm vui khi giúp đỡ người khác mà lại không phải là tốt hay sao? Kant sẽ nói phải. Chắc chắn ông không nghĩ có gì sai trái với hành động vì lòng trắc ẩn. Nhưng ông phân biệt giữa động cơ giúp đỡ người khác – rằng làm việc tốt mang lại cho tôi niềm vui – và động cơ trách nhiệm. Và ông khẳng định rằng chỉ có động cơ trách nhiệm mới mang lại giá trị đạo lý cho hành động. Lòng trắc ẩn của một con người vị tha “đáng khen và khuyến khích, nhưng không được kính trọng.”

Vậy thì cái gì mang lại giá trị đạo lý cho một việc tốt? Kant đưa ra một tình huống: Hãy tưởng tượng con người vị tha của chúng ta gặp phải một cảnh bất hạnh làm dập tắt lòng yêu con người của anh. Anh trở thành một kẻ ghét con người, thiếu sự đồng cảm và lòng trắc ẩn. Nhưng tâm hồn lạnh giá của anh bị giằng xé bởi sự bàng quan của anh và đưa anh đến chỗ giúp đỡ con người. Không có xu hướng giúp đỡ người khác, nhưng anh làm thế “vì trách nhiệm mà thôi.” Bây giờ, lần đầu tiên, hành động của anh có giá trị đạo lý.

Bằng cách nào đó điều này dường như là sự phán quyết lạ thường. Phải chăng Kant muốn xác định lòng ghét con người là mẫu mực về đạo lý? Không, không chính xác như vậy. Lấy làm vui khi làm việc tốt không nhất thiết xói mòn giá trị đạo lý của hành động đó. Kant muốn nói rằng, điều quan trọng là, ta làm việc tốt vì đó là điều đúng đắn ta phải làm, bất kể làm điều đó có mang lại niềm vui cho ta hay không.

Anh hùng trong cuộc thi chính tả

Ta hãy xem một tình huống xảy ra vài năm trước đây trong một cuộc thi chính tả toàn quốc ở Washington D.C. Một cậu bé 13 tuổi được yêu cầu đánh vần từ *echolalia*, có nghĩa là xu hướng lặp lại bất kỳ điều gì người ta nghe được. Mặc dù cậu bé đánh vần sai, ban giám khảo nghe nhầm, bảo cậu đã đánh vần đúng, và cho phép cậu thi tiếp. Khi cậu bé biết mình đánh vần sai, cậu đến gặp ban giám khảo và báo cho họ biết. Cuối cùng cậu bị loại. Các báo ngày hôm sau đưa tin cậu bé trung thực là một “anh hùng trong cuộc thi chính tả,” và ảnh của cậu xuất hiện trên tờ *New York Times*. Cậu bé nói với các phóng viên. “Ban giám khảo nói em có lòng chính trực.” Cậu nói thêm, một phần động cơ của cậu là “Em không muốn cảm thấy như bùn nhơ.”

Khi tôi đọc trích dẫn đó từ anh hùng của cuộc thi chính tả, tôi tự hỏi không biết Kant sẽ nghĩ gì. Lẽ dĩ nhiên, không muốn cảm thấy như bùn nhơ là một xu hướng. Như vậy, nếu đó là động cơ để cậu bé nói thật, thì dường như điều đó xói mòn giá trị đạo lý của hành động của cậu. Nhưng điều này xem ra quá khắc nghiệt. Nó sẽ có nghĩa là chỉ những người vô cảm mới có những hành động có giá trị đạo lý. Tôi không nghĩ đây là quan điểm của Kant.

Nếu lý do duy nhất khiến cậu bé nói thật là để tránh cảm giác có tội hay để tránh tiếng xấu nếu việc đánh vắn sai của cậu bị khám phá, thì việc nói thật sẽ thiếu giá trị đạo lý. Nhưng nếu cậu nói thật vì cậu biết đó là điều đúng đắn phải làm, hành động của cậu có giá trị đạo lý bất kể niềm vui hay sự hài lòng kèm theo. Chừng nào mà cậu làm điều tốt vì lẽ phải, cảm giác tốt về điều đó không xói mòn giá trị đạo lý của nó.

Điều đó cũng đúng với con người vị tha của Kant. Nếu anh quyết định giúp đỡ người khác chỉ vì niềm vui mà hành động đó mang lại cho anh, thì hành động của anh thiếu giá trị đạo lý. Nhưng nếu anh thừa nhận trách nhiệm giúp đỡ con người đồng loại và hành động vì trách nhiệm đó, thì niềm vui anh đạt được từ đó không mất đi phẩm chất đạo lý.

Lẽ dĩ nhiên, trên thực tế, trách nhiệm và xu hướng thường cùng tồn tại. Khó mà phân loại các động cơ của riêng mình, đừng nói gì biết chắc động cơ của người khác. Kant không phủ nhận điều này. Mà ông cũng không nghĩ rằng chỉ có những kẻ ghét con người với trái tim vô cảm mới có thể thực hiện những hành động có giá trị đạo lý. Trong ví dụ kẻ ghét con người, vấn đề là tách biệt động cơ trách nhiệm – để nhìn nhận nó riêng biệt với sự đồng cảm hay lòng trắc ẩn. Và một khi ta đã nhìn thấy động cơ trách nhiệm, ta có thể xác định đặc điểm nào của việc làm tốt mà mang lại cho nó giá trị đạo lý; đó là nguyên tắc của việc làm đó chứ không phải hệ quả của nó.

Nguyên tắc tối thượng của đạo lý là gì?

Nếu đạo lý có nghĩa là hành động từ trách nhiệm, vấn đề còn lại là cần có trách nhiệm gì. Đối với Kant, biết điều này là biết nguyên tắc tối thượng của đạo lý. Nguyên tắc tối thượng của đạo lý là gì? Mục đích của Kant trong quyển sách *Nền tảng* là trả lời cho câu hỏi này.

Ta có thể tiếp cận câu trả lời của Kant thông qua xem xét cách thức ông liên hệ ba ý tưởng lớn: đạo lý, tự do, và lý tính. Ông giải thích ba ý tưởng này thông qua một loạt các phép đối lập và nhị nguyên. Chúng liên quan đến đôi chút thuật ngữ, nhưng nếu bạn lưu ý đến sự song hành giữa các thuật ngữ đối lập này, bạn sẽ có cách để hiểu triết lý đạo đức của Kant. Đây là các phép đối lập cần lưu ý:

Đối lập 1 (đạo lý): trách nhiệm so với xu hướng (duty v. inclination)

Đối lập 2 (tự do): tự do ý chí so với ngoại ý chí (autonomy v. heteronomy)

Đối lập 3 (lý tính): lệnh thức tuyệt đối so với lệnh thức giả định (categorical v. hypothetical imperatives)

Chúng ta đã tìm hiểu phép đối lập đầu tiên trong ba phép đối lập này, giữa trách nhiệm và xu hướng. Chỉ có động cơ trách nhiệm mới có thể mang lại giá trị đạo lý cho một hành động. Để tôi xem thử tôi có thể giải thích hai phép đối lập còn lại hay không.

Phép đối lập 2 mô tả hai cách khác nhau để xác định ý chí của ta – tự do ý chí và ngoại ý chí. Căn cứ theo Kant, tôi chỉ tự do khi ý chí của tôi được xác định một cách tự quyết, chịu ảnh hưởng bởi một qui luật mà tôi đặt ra cho chính mình. Một lần nữa, chúng ta thường nghĩ tự do là có thể làm điều gì ta muốn, theo đuổi mong muốn của ta mà không bị cản trở. Nhưng Kant thách thức cách tư duy về tự do đó: Nếu bạn đã không tự do chọn lựa những mong muốn này ngay từ đầu, làm thế nào bạn nghĩ bạn tự do khi bạn theo đuổi những mong muốn ấy? Kant trình bày thử thách này trong phép đối lập giữa tự do ý chí và ngoại ý chí.

Khi mong muốn của tôi được xác định bên ngoài ý chí của tôi, nó được xác định từ bên ngoài con người tôi. Nhưng điều này làm phát sinh một câu hỏi khó: nếu tự do có nghĩa là điều gì đó vượt lên trên sự tuân theo ước muốn và xu hướng, làm sao có thể như thế được? Chẳng phải mọi điều tôi làm đều được kích thích bởi một ước muốn hay xu hướng nào đó được xác định bởi các ảnh hưởng bên ngoài hay sao?

Câu trả lời còn lâu mới rõ ràng. Kant quan sát thấy rằng “mọi sự việc trong tự nhiên đều vận hành theo các qui luật” như qui luật nhu cầu tự nhiên, qui luật vật lý, luật nhân quả. Điều này bao gồm cả chúng ta. Suy cho cùng, chúng ta cũng là các vật thể tự nhiên. Con người không phải là ngoại lệ của các qui luật tự nhiên.

Nhưng nếu chúng ta có năng lực tự do, ta phải có năng lực hành động căn cứ vào một loại qui luật nào đó, một qui luật khác với các qui luật vật lý. Kant lập luận rằng mọi hành động đều chịu ảnh hưởng của các qui luật này hay qui luật khác. Và nếu hành động của chúng ta chỉ chịu ảnh hưởng của các qui luật vật lý, thì ta sẽ không khác gì một quả bóng billard. Vì thế nếu ta có năng lực tự do, ta phải có năng lực hành động không tuân theo một qui luật đã đặt ra cho ta hay áp đặt lên ta, mà tuân theo một qui luật ta đặt ra cho chính ta. Nhưng qui luật đó xuất phát từ đâu?

Kant trả lời: từ lý tính. Chúng ta không chỉ là một giống hữu tình, chịu tác động bởi niềm vui thú và nỗi đau khổ mang đến bởi các giác quan của ta; mà ta còn là những con người duy lý, có năng lực lý tính. Nếu lý tính xác định ý chí của tôi, thì ý chí trở thành sức mạnh để chọn lựa một cách độc lập với tiếng gọi của tự nhiên hay xu hướng bản năng. (Lưu ý rằng Kant không khẳng định rằng lý tính luôn luôn chi phối ý chí của ta; ông chỉ nói rằng, chừng nào mà tôi còn có năng lực hành động tự do, căn cứ theo một qui luật tôi đặt ra cho chính mình, thì đúng là lý tính có thể chi phối ý chí của tôi.)

Lẽ dĩ nhiên, Kant không phải là triết gia đầu tiên đề xuất rằng con người có năng lực lý tính. Nhưng ý tưởng của ông về lý tính, cũng như khái niệm của ông về tự do và đạo lý, thì hết sức khắt khe. Đối với các triết gia theo chủ nghĩa kinh nghiệm, bao gồm những người theo chủ nghĩa thỏa dụng, lý tính hoàn toàn là công cụ. Nó giúp ta xác định phương tiện để theo đuổi những mục đích nhất định – những mục đích mà bản thân lý tính không mang lại. Thomas Hobbes gọi lý tính là “trình sát của ước muốn.” David Hume gọi lý tính là “nô lệ của đam mê.”

Những người theo chủ nghĩa thỏa dụng xem con người là có năng lực lý tính, nhưng chỉ là lý tính công cụ. Đối với những người theo chủ nghĩa thỏa dụng, công việc của lý tính không phải là xác định xem mục đích nào đáng theo đuổi. Công việc của lý tính là tìm cách tối đa hóa độ thỏa dụng thông qua thỏa mãn những ước muốn mà ta tình cờ có.

Kant phản bác vai trò phụ thuộc này của lý tính. Đối với ông, lý tính không chỉ là nô lệ của đam mê. Kant nói, nếu lý tính chẳng qua chỉ là như thế, thì ta hẳn đã khâm khâm hơn với bản năng.

Ý tưởng của Kant về lý tính – về lý tính thực tiễn, loại lý tính liên quan đến đạo lý – không phải là lý tính công cụ mà là “lý tính thực tiễn thuần túy, qui định một cách tiên nghiệm, bất chấp tất cả các mục đích thực nghiệm là như thế nào.”

Lệnh thức tuyệt đối so với lệnh thức giả định

Nhưng lý tính làm được điều đó như thế nào? Kant phân biệt hai cách để lý tính có thể điều khiển ý chí, hai loại lệnh thức khác nhau. Một loại lệnh thức, có lẽ là loại quen thuộc nhất, là lệnh thức giả định. Lệnh thức giả định sử dụng lý tính công cụ: Nếu bạn muốn X, thì hãy làm Y. Nếu bạn muốn có tên tuổi kinh doanh tốt, thì bạn hãy đối xử với khách hàng một cách trung thực.

Kant đối chiếu lệnh thức giả định, vốn luôn luôn ở dạng có điều kiện, với một loại lệnh thức vô điều kiện: lệnh thức tuyệt đối. Kant viết: “Nếu hành động chỉ tốt như một phương tiện để đạt được một điều gì khác, thì lệnh thức đó là giả định. Nếu hành động tiêu biểu cho một điều tốt tự thân nó, và do đó là cần thiết cho một ý chí mà bản thân nó phù hợp với lý tính, thì lệnh thức đó là tuyệt đối.” Thuật ngữ *tuyệt đối* xem ra như một từ chuyên môn, nhưng nó không cách biệt lắm với cách sử dụng thông thường của thuật ngữ này. Với từ “tuyệt đối”, Kant muốn nói là vô điều kiện. Như vậy, ví dụ khi một chính trị gia phải nhận một cách tuyệt đối một vụ bê bối bị cáo buộc nào đó, việc phải nhận đó chẳng những dứt khoát, mà còn là vô điều kiện, không có khe hở nào hay ngoại lệ nào. Tương tự, trách nhiệm tuyệt đối hay quyền tuyệt đối là điều được áp dụng bất kể tình huống nào.

Đối với Kant, lệnh thức tuyệt đối sẽ ra lệnh cho ta một cách tuyệt đối, không lệ thuộc hay không tham chiếu đến bất kỳ một mục đích xa xôi nào khác. “Điều đó không liên quan đến vấn đề hành động và các kết quả dự trù của hành động, mà liên quan đến hình thái, đến nguyên tắc mà hành động phải tuân theo từ đó. Và điều tốt thực chất trong hành động bao gồm trong thiên hướng tinh thần của nó, mặc cho các hệ quả có thể như thế nào.” Kant lập luận, chỉ có lệnh thức tuyệt đối mới đủ phẩm chất để trở thành lệnh thức của đạo lý.

Bây giờ ta sẽ xem xét sự liên hệ giữa ba phép đối lập song song. Sự tự do theo ý nghĩa tự do ý chí đòi hỏi rằng ta phải hành động không vì lệnh thức giả định mà vì lệnh thức tuyệt đối.

Điều này dẫn đến một câu hỏi: Lệnh thức tuyệt đối là gì, và nó ra lệnh cho ta điều gì? Kant nói ta có thể trả lời câu hỏi này từ ý tưởng về “một qui luật mà ràng buộc ta như một con người duy lý bất kể mục đích cụ thể của ta là gì. Vậy nó là cái gì?”

Kant đưa ra một vài phiên bản hay một vài hình thái của lệnh thức tuyệt đối, mà ông tin tất cả chung qui đều là cùng một thứ.

Lệnh thức tuyệt đối I: Phổ cập hóa phương châm của bạn

Phiên bản thứ nhất Kant gọi là công thức qui luật phổ cập: “Chỉ nên hành động theo một phương châm mà qua đó bạn có thể đồng thời tin rằng phương châm đó có thể trở thành một qui luật chung.” Khi nói “phương châm,” Kant muốn nói tới một qui luật hay một nguyên tắc mang lại lý do cho hành động của bạn. Thực chất, Kant nói rằng ta chỉ nên hành động dựa trên những nguyên tắc mà ta có thể phổ cập hóa mà không mâu thuẫn. Để hiểu ý Kant qua phép kiểm nghiệm phải thú nhận là trừu tượng này, ta hãy xem xét một câu hỏi đạo lý cụ thể: Liệu có đúng đắn không khi đưa ra một lời hứa mà ta biết ta sẽ không thể giữ được?

Giả sử tôi đang hết sức cần tiền và tôi hỏi vay bạn. Tôi biết chắc chắn tôi sẽ không thể hoàn trả sớm. Liệu có thể chấp nhận về mặt đạo lý hay không nếu tôi có được khoản vay bằng cách hứa hão rằng sẽ hoàn trả khoản vay nhanh chóng, một lời hứa mà tôi biết sẽ không thể giữ được?

Liệu một lời hứa hão có nhất quán với lệnh thức tuyệt đối? Kant nói không, rõ ràng là không. Cách thức để tôi thấy lời hứa hão trái với lệnh thức tuyệt đối là thông qua cố gắng phổ cập hóa phương châm mà tôi đã dựa vào đó để hành động.

Phương châm trong trường hợp này là gì? Đại loại là: “Bất kỳ khi nào ai đó hết sức cần tiền, họ có thể hỏi vay và hứa sẽ hoàn trả, cho dù họ biết họ không thể làm thế.” Kant nói, nếu bạn cố gắng phổ cập hóa phương châm này và đồng thời bạn hành động dựa vào đó, bạn sẽ nhận thấy sự mâu thuẫn: Nếu mọi người đều hứa hão khi họ cần tiền thì không ai còn tin vào những lời hứa đó nữa. Trên thực tế sẽ không còn những lời hứa nữa; việc phổ cập hóa lời hứa hão sẽ xói mòn cơ chế giữ lời hứa. Nhưng khi đó sẽ thật là vô ích, thậm chí vô lý, nếu bạn cố gắng vay tiền bằng cách hứa hẹn. Điều này cho thấy rằng hứa hão là sai trái về đạo lý, trái với lệnh thức tuyệt đối.

Một số người nhận thấy phiên bản lệnh thức tuyệt đối này không thuyết phục. Công thức qui luật phổ cập phần nào tương tự như việc sử dụng những câu nói sáo của người lớn để quở phạt những đứa trẻ không nên nết hay ăn nói không phải phép: “Thế nếu mọi người đều làm thế thì sao?” Nếu mọi người nói dối, thì không có thể tin vào lời nói của ai được, và tất cả chúng ta đều thiệt thòi. Nếu đó là những gì Kant nói, thì suy cho cùng ông đang đưa ra một lập luận hệ quả: phản bác lời hứa hão không phải dựa vào nguyên tắc, mà vì các hệ quả hay ảnh hưởng có hại khả dĩ của nó.

Nhà tư tưởng hết sức có tiếng John Stuart Mill đã dựa vào chỉ trích này chống lại Kant. Nhưng Mill hiểu lầm quan điểm của Kant. Đối với Kant, xem thử liệu tôi có thể phổ cập phương châm hành động của tôi và tiếp tục hành động theo phương châm đó hay không, không phải là cách phỏng đoán về các hệ quả khả dĩ. Đó là sự kiểm nghiệm để xem thử liệu phương châm của tôi có phù hợp với lệnh thức tuyệt đối hay không. Rõ ràng, một lời hứa hão sai trái về mặt đạo lý không phải vì nó sẽ xói mòn niềm tin xã hội (cho dù có thể là như vậy). Mà lời hứa hão sai trái là vì khi làm thế, tôi đã ưu tiên cho các nhu cầu và mong muốn của tôi (trong trường hợp này là tiền) nhiều hơn so với nhu cầu và mong muốn của người khác. Kiểm nghiệm phổ cập vạch ra một quan điểm đạo lý thuyết phục: đó là một cách để kiểm tra xem thử hành động mà tôi định làm có đặt quyền lợi và tình cảnh đặc biệt của tôi lên trên quyền lợi và tình cảnh của người khác hay không.

Lệnh thức tuyệt đối II: Đối xử với con người như mục đích

Sức mạnh đạo lý của lệnh thức tuyệt đối trở nên rõ ràng hơn trong hình thái thứ hai của Kant, công thức xem con người là mục đích. Kant giới thiệu phiên bản thứ hai của lệnh thức tuyệt đối như sau: Chúng ta không thể đặt nguyên tắc đạo lý dựa vào bất kỳ một quyền lợi, mục tiêu hay mục đích cụ thể nào, vì khi đó nguyên tắc đạo lý chỉ là tương đối so với con người có các mục đích và quyền lợi đó. “Nhưng giả sử có điều gì đó mà bản thân sự tồn tại của nó đã có một giá trị tuyệt đối,” một mục đích tự thân. “Thì trong điều đó, chỉ trong riêng mình nó, sẽ có nền tảng của lệnh thức tuyệt đối khả dĩ.”

Cái gì có thể có một giá trị tuyệt đối như một mục đích tự thân? Kant trả lời: con người. “Tôi nhìn thấy con người, và nói chung là con người duy lý, tồn tại như một mục đích tự thân, chứ không chỉ đơn thuần là phương tiện cho sự sử dụng tùy ý bởi một ý chí này hay một ý chí khác.” Kant nhắc nhở chúng ta, đây là sự khác biệt cơ bản giữa con người và sự vật. Con người là

những tạo vật duy lý. Họ không chỉ có giá trị tương đối, mà bất kỳ thế nào, họ cũng có giá trị tuyệt đối, giá trị nội tại. Nghĩa là, con người duy lý có nhân phẩm.

Mạch lập luận này đưa Kant đến hình thái thứ hai của lệnh thức tuyệt đối: “Hãy hành động sao cho bạn luôn luôn đối xử với con người, bất kể con người riêng của bạn hay con người của bất kỳ ai khác, không bao giờ chỉ đơn thuần như một phương tiện, mà luôn luôn đồng thời như một mục đích.” Đây là công thức xem con người như mục đích.

Ta hãy xem lại câu chuyện lời hứa hão. Hình thái thứ hai của lệnh thức tuyệt đối giúp ta nhìn thấy từ một góc độ hơi khác, lý do khiến việc hứa hão là sai trái. Khi tôi hứa sẽ trả lại cho bạn số tiền tôi vay, biết rằng tôi sẽ không thể trả được, là tôi đang lợi dụng bạn, tôi sử dụng bạn như một phương tiện cho khả năng chi trả tài chính của tôi, chứ không xem bạn như một mục đích đáng tôn trọng.

Bây giờ ta hãy xem thử trường hợp tự tử. Điều thú vị cần lưu ý là cả giết người và tự sát đều trái với lệnh thức tuyệt đối và vì cùng một lý do. Nói về mặt đạo lý, ta thường nghĩ giết người và tự sát là những hành động hoàn toàn khác nhau. Giết người là tước đi mạng sống một người trái với ý chí nguyện vọng của người đó, trong khi tự sát là chọn lựa của người thực hiện việc tự sát. Nhưng quan niệm của Kant về việc đối xử với con người như một mục đích đã đặt hành động giết người và tự sát trên cùng một nền tảng. Nếu tôi giết người, tôi lấy đi mạng sống của người khác vì quyền lợi của tôi – cướp ngân hàng, hay củng cố thế lực chính trị của tôi, hay để giải thoát cơn giận dữ của tôi. Tôi sử dụng nạn nhân như một phương tiện, và không tôn trọng con người như một mục đích. Đó là lý do hành động giết người vi phạm lệnh thức tuyệt đối.

Đối với Kant, tự tử cũng vi phạm lệnh thức tuyệt đối hết như vậy. Nếu tôi kết liễu mạng sống của mình để thoát khỏi một tình cảnh đau khổ nào đó, tôi sử dụng chính mình như một phương tiện để giải thoát nỗi đau khổ của tôi. Nhưng Kant nhắc nhở chúng ta, con người không phải là một sự vật, “không phải cái gì đó có thể sử dụng thuần túy như một phương tiện.” Tôi không có quyền vất bỏ con người trong bản thân tôi cũng hết như trong bất kỳ ai khác. Đối với Kant, tự tử là sai trái vì cùng một lý do như giết người là sai trái. Cả hai hành động đó đều đối xử với con người như sự vật, và không tôn trọng con người như một mục đích tự thân.

Ví dụ tự tử cho ta thấy đặc điểm phân biệt của cái mà Kant xem là trách nhiệm tôn trọng con người đồng loại. Đối với Kant, tôn trọng chính mình và tôn trọng người khác đều xuất phát từ một nguyên tắc như nhau. Trách nhiệm tôn trọng là trách nhiệm mà ta nợ con người như những tạo vật duy lý, như những con người có nhân phẩm. Trách nhiệm đó không liên quan gì đến việc người đó cụ thể là ai.

Có sự khác biệt giữa tôn trọng và các hình thái khác của sự quyến luyến con người. Tình yêu, sự đồng cảm, tình đoàn kết, và cảm giác đồng đội là những tình cảm đạo lý kéo ta đến gần những người này hơn những người khác. Nhưng lý do khiến ta tôn trọng nhân phẩm con người không liên quan gì đến bất kỳ điều gì cụ thể của họ. Sự tôn trọng của Kant khác với tình yêu. Nó khác với sự đồng cảm. Nó không giống như tình đoàn kết hay cảm giác đồng đội. Những lý do khiến ta quan tâm đến người khác như thế này liên quan đến việc họ cụ thể là ai. Ta yêu người bạn đời và các thành viên trong gia đình ta. Ta thấy cảm thông với những người mà ta có thể nhận diện danh tính. Ta cảm thấy đoàn kết gắn bó với bạn bè và đồng chí đồng đội của ta.

Nhưng sự tôn trọng của Kant là tôn trọng con người theo đúng nghĩa, vì một năng lực duy lý tồn tại trong tất cả chúng ta, không có sự phân biệt. Điều này giải thích lý do việc vi phạm năng lực duy lý đó trong trường hợp riêng của tôi là đáng chê trách cũng hết như sự vi phạm trong trường hợp của người khác. Nó cũng giải thích lý do khiến nguyên tắc tôn trọng của Kant phù hợp với học thuyết về nhân quyền phổ cập. Đối với Kant, công lý đòi hỏi chúng ta phải giữ vững nhân quyền cho tất cả mọi người, bất kể họ sống ở đâu hay ta quen biết họ đến mức nào, chỉ đơn thuần vì họ là con người, có năng lực lý tính và do đó đáng được tôn trọng.

Đạo lý và tự do

Bây giờ ta có thể thấy sự liên hệ như Kant nhận thấy giữa đạo lý và tự do. Hành động một cách đạo lý có nghĩa là hành động vì trách nhiệm – vì nguyên tắc đạo lý. Nguyên tắc đạo lý bao gồm một lệnh thức tuyệt đối, một nguyên tắc đòi hỏi ta phải đối xử với con người một cách tôn trọng, như một mục đích tự thân. Chỉ khi tôi hành động phù hợp với lệnh thức tuyệt đối thì tôi mới hành động một cách tự do. Bất kỳ khi nào tôi hành động dựa vào một lệnh thức giả định, tôi hành động vì một quyền lợi nào đó hay mục đích nào đó được cho bên ngoài tôi. Nhưng trong trường hợp đó, tôi không thực sự tự do; ý chí của tôi được xác định không phải bởi tôi, mà bởi những áp lực bên ngoài – bởi sự cần thiết của tình huống của tôi hay bởi những mong muốn và ước mơ tôi tình cờ có.

Tôi chỉ có thể tránh né được tiếng gọi của tự nhiên và tình huống bằng cách hành động một cách tự do ý chí, dựa vào một nguyên tắc mà tôi đặt ra cho mình. Nguyên tắc đó phải vô điều kiện, không phụ thuộc vào các mong muốn và ước mơ cụ thể của tôi. Hành động một cách tự do theo nghĩa hành động tự do ý chí, và hành động theo đạo lý dựa vào lệnh thức tuyệt đối, là một và như nhau.

Cách tư duy này về đạo lý và tự do đưa Kant đến sự chỉ trích kịch liệt đối với chủ nghĩa thỏa dụng. Nỗ lực đặt đạo lý dựa vào một quyền lợi hay mơ ước cụ thể nào đó (như hạnh phúc hay độ thỏa dụng) nhất định là thất bại. “Vì những gì họ khám phá ra không bao giờ là trách nhiệm, mà chỉ là sự cần thiết hành động từ một quyền lợi nào đó.” Nhưng bất kỳ nguyên tắc nào dựa vào quyền lợi “nhất định sẽ luôn luôn là một nguyên tắc có điều kiện và không thể là một nguyên tắc đạo lý.”

Các câu hỏi đối với Kant

Triết lý đạo đức của Kant thật vững chắc và thuyết phục. Nhưng triết lý đó có thể khó nắm bắt, nhất là mới thoạt nhìn qua. Nếu bạn đã theo dõi cho đến giờ, có thể bạn sẽ nảy ra một vài câu hỏi. Đây là bốn câu hỏi đặc biệt quan trọng.

CÂU HỎI 1: *Lệnh thức tuyệt đối của Kant bảo ta phải đối xử với mọi người với lòng tôn trọng, và như một mục đích tự thân. Chẳng phải điều đó cũng gần hết như Qui tắc vàng hay sao? (“Hãy làm cho người khác điều mà bạn muốn họ làm cho bạn.”)*

TRẢ LỜI: Không. Qui tắc vàng phụ thuộc vào các sự kiện phát sinh về cách thức người ta muốn được đối xử như thế nào. Lệnh thức tuyệt đối đòi hỏi ta phải tách ra khỏi những sự kiện phát sinh đó và tôn trọng con người như những con người duy lý, bất kể họ có thể muốn gì trong một tình huống cụ thể.

Giả sử bạn biết rằng anh bạn đã mất trong một tai nạn ô tô. Người mẹ già nua của bạn, đang suy nhược trong một viện dưỡng lão, hỏi thăm về anh trai bạn. Bạn bị giằng xé giữa một bên là nỗi sợ thật với mẹ và một bên là tránh cho bà không bị sốc và đau buồn. Điều đúng đắn phải làm là gì? Quí tắc vàng sẽ hỏi: “Bạn muốn được đối xử như thế nào trong tình huống tương tự?” Câu trả lời dĩ nhiên cũng còn tùy. Có người muốn tránh né những sự thật khốc liệt vào những khoảnh khắc dễ tổn thương, trong khi có người lại muốn biết sự thật, bất kể đau đớn đến mức nào. Bạn có thể kết luận rằng, nếu bạn ở vào tình trạng như mẹ, bạn thì không biết còn hơn.

Tuy nhiên, đối với Kant, đây là một câu hỏi sai. Điều quan trọng không phải là bạn (hay mẹ bạn) sẽ cảm thấy như thế nào trong những tình huống này, mà điều quan trọng là, việc đối xử với con người như những con người duy lý đáng được tôn trọng sẽ có nghĩa là gì. Đây là một trường hợp trong đó lòng trắc ẩn có thể chỉ ra một đường, và lòng tôn trọng của Kant vạch ra một hướng khác. Nhìn từ góc độ lệnh thức tuyệt đối, nói dối mẹ vì lo lắng cho cảm giác của bà có thể được xem là sử dụng bà như một phương tiện để bà hài lòng chứ không tôn trọng bà như một con người duy lý.

CÂU HỎI 2: *Xem ra Kant cho rằng đáp ứng trước trách nhiệm và hành động một cách tự do ý chí là một và như nhau. Nhưng sao lại thế được? Hành động dựa vào trách nhiệm có nghĩa là phải tuân theo một nguyên tắc. Làm thế nào việc tuân theo một nguyên tắc mà lại tương đương với tự do?*

TRẢ LỜI: Trách nhiệm và tự do ý chí chỉ song hành với nhau trong một trường hợp đặc biệt – khi tôi là tác giả của nguyên tắc mà tôi có trách nhiệm phải tuân theo. Nhân phẩm của tôi, trên cương vị một con người tự do, thì không nằm ở một con người phụ thuộc vào nguyên tắc đạo lý, mà nằm ở một con người là tác giả của “chính nguyên tắc này ... và chỉ thấp hơn nó trên cơ sở này.” Khi ta tuân theo lệnh thức tuyệt đối, ta tuân theo một nguyên tắc mà ta đã chọn. Nhân phẩm con người chính xác nằm ở năng lực tạo ra một nguyên tắc phổ cập, cho dù chỉ dựa vào điều kiện là bản thân con người cũng phụ thuộc vào nguyên tắc mà chính mình đã tạo ra.”

CÂU HỎI 3: *Nếu tự do ý chí có nghĩa là hành động dựa vào một nguyên tắc mà tôi đặt ra cho chính tôi, điều gì bảo đảm rằng mọi người sẽ chọn cùng một nguyên tắc đạo lý như vậy? Nếu lệnh thức tuyệt đối là sản phẩm của ý chí của tôi, biết đâu những người khác sẽ đi đến những lệnh thức tuyệt đối khác? Kant dường như nghĩ rằng tất cả chúng ta đều đồng ý về cùng một nguyên tắc đạo lý. Nhưng làm thế nào ông có thể chắc chắn rằng những người khác nhau sẽ không lý luận khác nhau và đi đến những nguyên tắc đạo lý khác nhau?*

TRẢ LỜI: Khi chúng ta vạch ra nguyên tắc đạo lý, chúng ta không chọn lựa trên cương vị của bạn và của tôi, những con người cụ thể, mà trên cương vị những con người duy lý, như những người tham gia vào cái mà Kant gọi là “lý tính thực tiễn thuần túy.” Vì thế thật là sai lầm khi nghĩ rằng nguyên tắc đạo lý là tùy thuộc vào chúng ta như những cá nhân. Lẽ dĩ nhiên, nếu ta lý luận từ các quyền lợi, ước muốn và mục đích cụ thể của ta, ta có thể đi đến một số nguyên tắc bất kỳ. Nhưng đó không phải là các nguyên tắc đạo lý, mà chỉ là những nguyên tắc thận trọng. Chừng nào mà ta còn vận dụng lý tính thực tiễn thuần túy, thì ta còn tách ra khỏi các quyền lợi cụ thể của ta. Điều này có nghĩa là mọi người vận dụng lý tính thực tiễn thuần túy đều sẽ đi đến

cùng một kết luận – sẽ đi đến một lệnh thức tuyệt đối duy nhất (phổ cập). “Như vậy ý chí tự do và ý chí tuân theo nguyên tắc đạo lý là một và như nhau.”

CÂU HỎI : *Kant lập luận rằng nếu đạo lý không chỉ đơn thuần là việc tính toán thận trọng, nó phải có hình thái của một lệnh thức tuyệt đối. Nhưng làm thế nào ta biết đạo lý tồn tại tách biệt với vai trò của thế lực và quyền lợi? Ta có bao giờ chắc chắn rằng ta có năng lực hành động một cách tự do ý chí, với một ý chí tự do? Nếu các nhà khoa học khám phá ra (thông qua ảnh hóa não bộ hay khoa học thần kinh thực chứng) rằng suy cho cùng ta không có ý chí tự do gì cả: Liệu điều đó có bác bỏ triết lý đạo đức của Kant?*

TRẢ LỜI: Sự tự do của ý chí không phải là loại sự vật mà khoa học có thể chứng minh hay bác bỏ. Chứng minh hay bác bỏ đều không phải là đạo lý. Đúng là con người sống trong thế giới của tự nhiên. Mọi việc ta làm đều có thể được mô tả nhìn từ góc độ vật lý hay sinh học. Khi tôi đưa tay lên cao để biểu quyết, hành động của tôi có thể được giải thích bằng các cơ bắp, dây thần kinh, khớp thần kinh, và tế bào. Nhưng hành động đó cũng có thể giải thích bằng các ý tưởng và niềm tin. Kant nói ta không thể thoát khỏi việc tìm hiểu bản thân nhìn từ cả hai góc độ - thế giới thực nghiệm của vật lý và sinh học, và thế giới nhận thức của con người tự do.

Để trả lời câu hỏi này đầy đủ hơn, tôi cần nói thêm đôi chút về hai góc độ này. Đó là hai góc độ để ta có thể nhìn nhận về con người và về những qui luật cai quản hành động của chúng ta. Đây là cách Kant mô tả hai góc độ này:

Con người duy lý ... có hai góc độ để từ đó họ có thể nhìn nhận chính mình và từ đó có thể biết những qui luật cai quản ... tất cả các hành động của họ. *Thứ nhất*, con người có thể xem mình phụ thuộc vào các qui luật tự nhiên (ngoại ý chí) trong chừng mực mà họ thuộc về một thế giới tự nhiên; và *thứ hai*, con người có thể xem mình phụ thuộc vào những qui luật độc lập với tự nhiên, không mang tính thực nghiệm nhưng có nền tảng trong lý tính mà thôi, trong chừng mực mà con người phụ thuộc vào thế giới nhận thức.

Sự đối lập giữa hai góc độ này phù hợp với ba phép đối lập ta đã thảo luận:

Đối lập 1 (đạo lý): trách nhiệm so với xu hướng (duty v. inclination)

Đối lập 2 (tự do): tự do ý chí so với ngoại ý chí (autonomy v. heteronomy)

Đối lập 3 (lý tính): lệnh thức tuyệt đối so với lệnh thức giả định (categorical v. hypothetical imperatives)

Đối lập 4 (góc độ): Thế giới nhận thức so với thế giới tự nhiên (intelligible v. sensible realms)

Là một con người tự nhiên, tôi thuộc về thế giới tự nhiên. Hành động của tôi được xác định bởi các qui luật tự nhiên và các qui luật nhân quả. Đây là khía cạnh của hành động con người mà vật lý, sinh học, và khoa học thần kinh có thể mô tả. Là một con người duy lý, tôi sống trong một thế giới nhận thức. Ở đây, không phụ thuộc vào các qui luật tự nhiên, tôi có năng lực tự do ý chí, có năng lực hành động theo một nguyên tắc mà tôi đặt ra cho mình.

Kant lập luận rằng chỉ nhìn từ góc độ thứ hai này (nhận thức), tôi mới có thể xem mình là tự do, “vì độc lập với sự xác định bởi các nguyên nhân trong thế giới tự nhiên (và đây là điều mà lý tính phải luôn luôn qui cho chính nó) có nghĩa là tự do.”

Nếu tôi chỉ là một con người kinh nghiệm, tôi sẽ không có năng lực tự do; mọi sự tồn tại của ý chí đều phụ thuộc vào một quyền lợi hay ước muốn nào đó. Mọi chọn lựa đều là sự chọn lựa ngoại ý chí, chịu ảnh hưởng của sự theo đuổi một mục đích nào đó. Ý chí của tôi không bao giờ là nguyên nhân đầu tiên, mà chỉ là kết quả của một nguyên nhân từ trước nào đó, là công cụ của một xung lực hay xu hướng nào đó.

Trong chừng mực mà chúng ta suy nghĩ về bản thân như những con người tự do, ta không thể suy nghĩ về ta thuần túy như những con người kinh nghiệm. “Khi ta suy nghĩ về bản thân như những con người tự do, ta đưa mình vào thế giới nhận thức như các thành viên trong thế giới đó và công nhận sự tự do ý chí cùng với hệ quả của nó – đạo lý.”

Như vậy, ta hãy quay lại với câu hỏi: lệnh thức tuyệt đối khả dĩ như thế nào? Chỉ vì “ý tưởng về tự do làm ta trở thành một thành viên của thế giới nhận thức.” Hãy xem ý tưởng cho rằng chúng ta có thể hành động tự do, nhận trách nhiệm đạo lý về hành động của ta, và giữ cho những người khác chịu trách nhiệm đạo lý cho hành động của họ; ý tưởng đó đòi hỏi ta phải nhìn nhận bản thân từ góc độ này – từ quan điểm của một chủ thể (agent) chứ không phải một khách thể (object). Nếu bạn thật sự muốn chống lại khái niệm này, và cho rằng tự do của con người và trách nhiệm đạo lý là những ảo tưởng hoàn toàn, thì lý lẽ của Kant không thể chứng minh bạn sai. Nhưng thật khó, nếu không muốn nói là không thể, để tìm hiểu bản thân, để hiểu ý nghĩa cuộc sống của ta, nếu không có khái niệm nào đó về tự do và đạo lý. Và Kant nghĩ, khái niệm đó giao phó ta cho hai quan điểm – quan điểm chủ thể và quan điểm khách thể. Và một khi bạn đã nhìn thấy sức mạnh của bức tranh này, bạn sẽ hiểu lý do khiến khoa học không bao giờ chứng minh hay bác bỏ khả năng của tự do.

Nên nhớ, Kant thú nhận rằng ta không chỉ là những con người duy lý. Ta không chỉ sống trong thế giới nhận thức. Nếu ta chỉ là những con người duy lý, không phụ thuộc vào các qui luật và nhu cầu tự nhiên, thì mọi hành động của ta “sẽ đương nhiên phù hợp với tự do ý chí.” Vì ta đồng thời sống trong cả hai thế giới – thế giới nhu cầu và thế giới tự do – luôn luôn tiềm tàng một khoảng cách giữa những gì ta làm và những gì ta phải làm, giữa cách thức sự vật diễn ra và cách thức sự vật phải diễn ra.

Một cách khác để diễn đạt khái niệm này là nói rằng, đạo lý không phải là kinh nghiệm. Đạo lý cách biệt với thế giới. Nó vượt qua sự phán xét về thế giới. Bất kể sức mạnh của khoa học và sự thấu hiểu khoa học như thế nào, khoa học không thể vươn đến những câu hỏi về đạo lý, vì khoa học vận hành trong thế giới tự nhiên.

Kant viết: “Lập luận phủ nhận tự do là không thể được đối với một triết lý thâm thúy nhất cũng như đối với lý tính con người bình thường nhất.” Xem ra Kant còn có thể bổ sung, người ta cũng không thể phủ nhận tự do bằng khoa học thần kinh thực chứng, bất kể khoa học phát triển tinh tế đến mức nào. Khoa học có thể tìm hiểu tự nhiên và khám phá thế giới thực nghiệm, nhưng khoa học không thể trả lời các câu hỏi đạo lý hay bác bỏ ý chí tự do. Đó là vì đạo lý và tự do không phải là những khái niệm kinh nghiệm. Chúng ta không thể chứng minh sự tồn tại của chúng, nhưng ta cũng không thể hiểu được cuộc sống đạo lý của ta nếu không giả định trước về chúng.

Tình dục, nói dối và chính trị

Một cách để tìm hiểu triết lý đạo đức của Kant là xem thử ông áp dụng nó như thế nào cho các câu hỏi cụ thể. Tôi muốn xem xét ba ứng dụng – tình dục, nói dối, và chính trị. Các triết gia không luôn luôn là những người giỏi nhất trong việc áp dụng lý thuyết của họ vào thực tiễn. Nhưng các ứng dụng của Kant thì thú vị vì sự đúng đắn của chúng và đồng thời giúp soi rọi triết lý của ông trên bình diện tổng thể.

Lập luận của Kant chống lại tình dục ngẫu hứng

Quan niệm của Kant về đạo lý tình dục mang tính truyền thống và bảo thủ. Ông phản đối mọi sinh hoạt tình dục ngẫu hứng ngoại trừ sinh hoạt tình dục giữa chồng và vợ. Việc tất cả quan niệm của Kant về tình dục thật sự có tuân theo triết lý đạo đức của ông hay không, điều đó không quan trọng cho bằng ý tưởng cơ bản mà quan niệm đó thể hiện – rằng ta không sở hữu bản thân ta và ta không tùy ý sử dụng con người ta. Ông phản đối tình dục ngẫu hứng (qua đó ông muốn nói tới tình dục ngoài hôn nhân), cho dù đồng thuận, trên cơ sở cho rằng điều đó làm suy đồi và khách thể hóa cả hai người bạn tình. Ông nghĩ, tình dục ngẫu hứng đáng phản đối vì điều đó là về sự thỏa mãn ham muốn tình dục, chứ không phải là về sự tôn trọng bản thể con người của người bạn tình.

Lòng ham muốn của một người đàn ông đối với một phụ nữ không phải hướng tới người phụ nữ vì đó là một con người, mà vì đó là một phụ nữ; người đàn ông không quan tâm đến việc đó là một con người; chỉ có giới tính của người đó mới là đối tượng ham muốn của anh ta.

Ngay cả khi tình dục ngẫu hứng liên quan đến sự thỏa mãn chung của cả hai bên, “mỗi người đều không tôn trọng bản chất con người của người kia. Họ sử dụng con người như một công cụ để thỏa mãn dục vọng và bản năng của họ. (Vì những lý do mà ta sẽ nói tới ngay sau đây, Kant cho rằng hôn nhân làm thăng hoa tình dục thông qua đưa nó vượt lên trên sự hài lòng thể xác và liên hệ nó với nhân phẩm con người.)

Quay lại với câu hỏi mại dâm là đạo lý hay phi đạo lý, Kant đặt câu hỏi trong những điều kiện nào thì việc sử dụng khả năng tình dục phù hợp với đạo lý. Câu trả lời của ông, trong điều kiện nào cũng vậy, là ta không nên đối xử với người khác – hay chính bản thân ta – chỉ như những khách thể. Ta không nên tùy ý sử dụng bản thân ta. Trái với quan niệm của những người theo chủ nghĩa thỏa dụng về sở hữu bản thân, Kant nhất quyết cho rằng ta không sở hữu bản thân ta. Yêu cầu đạo lý cho rằng ta phải đối xử với con người như mục đích chứ không phải như phương tiện làm hạn chế cách đối xử của ta với người khác và với chính bản thân ta. “Con người không thể tùy ý sử dụng bản thân vì con người không phải là một sự vật; con người không phải là tài sản của riêng mình.”

Trong các cuộc tranh luận đương đại về tính đạo lý của tình dục, những người kêu gọi quyền tự do ý chí lập luận rằng các cá nhân nên được tự do chọn lựa cho bản thân mình cách sử dụng con người họ. Nhưng đây không phải là điều Kant muốn nói tới khi ông nói về tự do ý chí. Nghịch lý thay, khái niệm của Kant về tự do ý chí lại áp đặt những giới hạn nhất định đối với cách thức ta đối xử với chính bản thân ta. Hãy nhớ lại: Tự do ý chí là được quản lý bởi một nguyên tắc mà tôi đặt ra cho bản thân tôi – lệnh thức tuyệt đối. Và lệnh thức tuyệt đối đòi hỏi rằng tôi phải đối xử với mọi người (kể cả chính tôi) bằng sự tôn trọng – như một mục đích chứ không phải chỉ như

một phương tiện. Vì thế với Kant, hành động tự do ý chí đòi hỏi rằng ta phải đối xử với bản thân ta một cách tôn trọng, và không khách thể hóa chính ta. Ta không thể sử dụng cơ thể ta bất kỳ cách nào ta thích.

Thị trường cấy ghép thận không tồn tại vào thời đại của Kant, nhưng người giàu có thể mua răng từ người nghèo để trồng răng cho mình. (*Trồng răng*, một bức vẽ của nhà biếm họa người Anh thế kỷ 18 Thomas Rowlandson, thể hiện cảnh trong một phòng khám nha khoa, một nha sĩ đang nhổ răng từ một người thợ cạo ông khói trong khi một người phụ nữ giàu có ngồi chờ được trồng răng.) Kant xem việc này là vi phạm nhân phẩm con người. Con người “không có quyền bán một chi, hay thậm chí một chiếc răng.” Làm thế là xem con người như một khách thể, một phương tiện thuần túy, một công cụ của lợi nhuận.

Kant cho rằng mại dâm cũng đáng bị phản đối trên cùng một cơ sở như vậy. “Cho phép một người vì lợi nhuận mà để cho người khác sử dụng mình để thỏa mãn ham muốn tình dục, để bản thân trở thành một đối tượng của nhu cầu, là ... làm cho mình trở thành một đồ vật để người khác thỏa mãn lòng thèm muốn, giống như họ thỏa mãn cơn đói bằng một miếng thịt bò rán.” Con người không được quyền vì lợi nhuận mà đưa bản thân mình ra như đồ vật để người khác sử dụng nhằm thỏa mãn xu hướng dục vọng của họ.” Làm như thế là đối xử với con người chỉ như một đồ vật, một đối tượng sử dụng. “Nguyên tắc đạo lý cơ bản là, con người không phải là tài sản riêng của họ và không thể làm điều họ muốn đối với cơ thể họ.”

Sự phản đối của Kant đối với mại dâm và tình dục ngẫu hứng làm thể hiện rõ sự đối lập giữa tự do ý chí như nhận thức của ông – ý chí tự do của một con người duy lý – và hành động vì sự hài lòng cá nhân. Nguyên tắc đạo lý mà ta suy ra thông qua thực hiện theo ý chí của ta đòi hỏi ta phải đối xử với bản thể con người – trong chính ta và trong những người khác – không bao giờ như một phương tiện mà như một mục đích tự thân. Cho dù yêu cầu đạo lý này dựa vào tự do ý chí, nó bác bỏ những hành động nhất định giữa những con người trưởng thành thỏa mãn, ấy là những người đi ngược lại nhân phẩm con người và lòng tự trọng.

Kant kết luận rằng chỉ có tình dục trong hôn nhân mới không “làm suy đồi nhân phẩm.” Chỉ khi hai người trao cho nhau toàn bộ bản thể của họ, và không chỉ sử dụng năng lực tình dục, thì khi ấy tình dục mới không phải là sự khách thể hóa. Chỉ khi hai người chia sẻ với nhau “con người họ, thể xác và tâm hồn họ, vì điều tốt và xấu và trong chính sự tôn trọng,” thì khi ấy tình dục mới dẫn đến sự hợp nhất của con người.” Kant không nói rằng mọi cuộc hôn nhân đều thật sự mang đến sự hợp nhất thuộc loại này. Và ông có thể sai khi cho rằng sự hợp nhất đó không bao giờ có thể đạt được bên ngoài hôn nhân, hay khi cho rằng quan hệ tình dục ngoài hôn nhân chỉ liên quan đến không gì khác hơn sự thỏa mãn dục vọng. Nhưng quan điểm của ông về tình dục cho ta thấy sự khác biệt giữa hai ý tưởng thường xuyên lẫn lộn trong tranh luận đương đại – giữa đạo lý của sự hài lòng không bó buộc và đạo lý của sự tôn trọng tự do ý chí và nhân phẩm con người.

Liệu có gì sai khi nói dối một sát thủ?

Kant vạch ra một ranh giới rõ ràng chống lại việc nói dối. Trong quyển sách *Nền tảng*, điều đó đóng vai trò như một ví dụ cơ bản về hành vi phi đạo lý. Nhưng giả sử một người bạn đang trốn trong nhà bạn, và một kẻ giết người đến trước cửa tìm người bạn đó. Chẳng lẽ không đúng đắn

khi nói dối tên sát thủ? Kant nói không. Trách nhiệm nói thật luôn luôn phải được duy trì bất kể hệ quả thế nào.

Benjamin Constant, một triết gia người Pháp và cùng thời với Kant, chống lại quan điểm không thỏa hiệp này. Constant lập luận, trách nhiệm nói thật chỉ áp dụng cho những người xứng đáng với sự thật, mà chắc chắn kẻ giết người thì không xứng đáng. Kant đáp rằng, việc nói dối kẻ giết người là sai trái, không phải vì điều đó làm hại kẻ ấy, mà vì điều đó vi phạm nguyên tắc về lẽ phải: “Sự thật trong những phát biểu không thể tránh khỏi là trách nhiệm chính thức của con người đối với mọi người, bất kể sự bất lợi có thể phát sinh từ đó đối với người đó hay đối với bất kỳ ai khác.”

Phải thú nhận rằng, giúp một kẻ giết người thực hiện công việc độc ác của họ quả là một “bất lợi” đáng kể.” Nhưng nên nhớ, đối với Kant, đạo lý không phải là về hệ quả; mà đạo lý là về nguyên tắc. Bạn không thể kiểm soát hệ quả hành động của bạn – trong trường hợp này là nói sự thật – vì hệ quả gắn liền với tình huống phát sinh. Vì tất cả những gì bạn biết, người bạn của bạn lo sợ kẻ giết người đang tìm đến đã lên ra ngoài bằng cửa sau. Kant lập luận, lý do bạn nói sự thật không phải là vì kẻ giết người có quyền biết sự thật, hay việc nói dối sẽ có hại cho hắn. Chính lời nói dối – bất kể lời nói dối nào – “đã vi phạm nguồn gốc của lẽ phải... Do đó, thành thật trong mọi tuyên bố là một nguyên tắc lý tính thiêng liêng và chỉ huy vô điều kiện mà không chấp nhận bất kể động cơ cá nhân nào.”

Điều này xem ra là một quan điểm kỳ lạ và cực đoan. Chắc chắn tôi không có trách nhiệm đạo lý phải nói với một đội quân phát xít rằng Anne Frank và gia đình cô đang trốn trên tầng áp mái. Dường như việc khăng khăng nói sự thật của Kant cho tên giết người đứng bên cửa hoặc đã áp dụng sai lệnh thức tuyệt đối, hoặc chứng tỏ sự điên rồ của nó.

Dù nhận định của Kant xem ra có thể vô lý, tôi vẫn bảo vệ nhận định đó. Cho dù lý lẽ bảo vệ tôi đưa ra khác với lý lẽ mà Kant đã trình bày, nhưng lý lẽ đó vẫn phù hợp với tinh thần triết lý của ông, và tôi hy vọng giúp soi rọi đôi chút lý thuyết đó.

Thử tưởng tượng bạn đang trong tình thế khó khăn với người bạn đang lẩn trốn trong nhà và kẻ giết người ngoài cửa. Lẽ dĩ nhiên, bạn không muốn giúp kẻ giết người thực hiện kế hoạch độc ác của hắn. Đó là điều đã biết. Bạn không muốn nói bất kỳ điều gì dẫn kẻ giết người đến với người bạn. Vấn đề là, bạn nói gì đây? Bạn có hai chọn lựa. Bạn có thể nói dối thẳng thừng: “Không, cô ấy không có ở đây.” Hay bạn có thể nói thật nhưng làm cho lạc lối: “Một giờ trước đây, tôi thấy cô ấy dưới đường, ở cửa hàng tạp hóa.”

Nhìn từ quan điểm của Kant, chiến lược thứ hai có thể chấp nhận về mặt đạo lý, nhưng chiến lược thứ nhất thì không. Bạn có thể xem đây là lý sự cùn. Nói về mặt đạo lý, có gì khác nhau giữa một lời nói thật nhưng gây hiểu lầm và một lời nói dối trắng trợn? Trong cả hai trường hợp, bạn đều hy vọng làm cho kẻ giết người tin rằng người bạn không trốn trong nhà.

Kant tin rằng điều quan trọng được xem xét trong sự phân biệt này. Ta hãy xem “những lời nói dối lịch sự,” những điều nho nhỏ không đúng sự thật mà đôi khi ta nói vì lịch sự, để tránh cảm giác tổn thương. Giả sử một người bạn tặng bạn một món quà. Bạn mở hộp quà và thấy một chiếc cà vạt góm guốc mà chẳng bao giờ bạn đeo. Bạn nói gì đây? Bạn có thể nói: “Thật là đẹp!”

Đó là một lời nói dối lịch sự. Hay bạn có thể nói: “Cậu không nên làm thế!” Hay: “Tớ chưa bao giờ thấy một chiếc cà vạt như thế này. Cảm ơn cậu nhé.” Cũng giống như lời nói dối lịch sự, những câu nói này có thể gây cho người tặng ấn tượng sai lầm rằng bạn thích chiếc cà vạt. Nhưng những câu nói này vẫn là sự thật.

Kant sẽ phản bác những lời nói dối lịch sự, vì điều đó dẫn đến ngoại lệ cho nguyên tắc đạo lý trên cơ sở hệ quả. Quan tâm đến cảm giác của người khác là một mục đích đáng khâm phục, nhưng nó phải được theo đuổi bằng cách sao cho nhất quán với lệnh thức tuyệt đối, đòi hỏi ta phải sẵn sàng phổ cập hóa nguyên tắc mà dựa vào đó ta hành động. Nếu ta tạo ra ngoại lệ bất kỳ khi nào ta nghĩ mục đích của ta đủ thuyết phục, thì tính chất tuyệt đối của nguyên tắc đạo lý sẽ bị xỏ tung. Trái lại, những lời nói thật nhưng gây hiểu lầm không đe dọa lệnh thức tuyệt đối theo cùng một cách thức giống như vậy. Trên thực tế, Kant cũng đã từng viện dẫn sự phân biệt này khi ông đứng trước một vấn đề tiền thoái lương nan của chính ông.

Liệu Kant có bảo vệ Bill Clinton?

Vài năm trước khi trao đổi với Constant, Kant gặp rắc rối với vua Friedrich Wilhem II. Vua và các cận thần phụ trách kiểm duyệt xem các tác phẩm về tôn giáo của Kant là coi thường đạo Cơ đốc, và yêu cầu ông phải cam kết hạn chế công bố thêm về đề tài này. Kant đáp bằng một phát biểu với lời lẽ cẩn thận: “Là thần dân trung thành của Hoàng thượng, trong tương lai thần sẽ hoàn toàn ngưng tất cả các bài giảng hay bài viết về tôn giáo.”

Khi phát biểu như vậy, Kant biết rằng nhà vua sẽ không còn sống được bao lâu nữa. Khi vua qua đời vài năm sau đó, Kant xem như ông đã được giải thoát khỏi lời hứa “là một thần dân trung thành của Hoàng thượng.” Sau đó Kant giải thích ông đã chọn lời lẽ “hết sức cẩn thận, để tôi không bị tước đoạt tự do ... mãi mãi, mà chỉ trong thời gian nhà vua còn sống.” Bằng sự lẩn tránh khôn ngoan này, bậc thầy về tính trung thực nước Phổ đã thành công trong việc làm cho các nhà kiểm duyệt hiểu lầm mà không cần phải nói dối họ.

Phân biệt tinh vi theo kiểu chẻ sợi tóc làm tư ư? Có thể. Nhưng những điều có tầm quan trọng đạo lý quả thật dường như được xem xét trong sự phân biệt giữa một lời nói dối trắng trợn và một nghệ thuật tài tình. Ta hãy xem nguyên tổng thống Bill Clinton. Không một người của công chúng nào ở nước Mỹ mà ta còn nhớ biết chọn lựa ngôn ngữ hay nghĩ ra những lời phủ nhận cẩn thận hơn ông. Trong chiến dịch tranh cử tổng thống lần đầu tiên, khi được hỏi, có bao giờ ông sử dụng thuốc kích thích hay không, Clinton đáp ông không bao giờ vi phạm luật chống sử dụng thuốc kích thích trên đất nước hay tiểu bang của ông. Về sau, ông thú nhận ông đã thử marijuana khi còn là sinh viên trường Oxford ở Anh.

Lời phủ nhận đáng nhớ nhất của ông là khi ông phúc đáp các báo cáo cho rằng ông đã có quan hệ tình dục tại Nhà trắng với cô thực tập sinh 22 tuổi Monica Lewinsky: “Tôi muốn nói một điều với người dân Mỹ. Tôi muốn quý vị lắng nghe tôi ... Tôi không có quan hệ tình dục với người phụ nữ đó, cô Lewinsky.”

Về sau, hóa ra tổng thống có dụng chạm tình dục với Monica Lewinsky, và vụ bê bối dẫn đến các thủ tục tranh tụng buộc tội. Trong các buổi điều trần, một nghị sĩ thuộc đảng Cộng Hòa lập

luận với luật sư Gregory Craig đại diện quyền lợi của Clinton, về việc liệu lời phủ nhận “quan hệ tình dục” của tổng thống có phải là một lời nói dối hay không:

Nghị sĩ Cộng Hòa Inglis: Bây giờ, ông Craig, tổng thống có nói dối dân chúng Mỹ hay không khi ông ấy nói “Tôi không bao giờ có quan hệ tình dục với người phụ nữ đó”? Ông ấy có nói dối hay không?

Craig: Chắc chắn ông ấy đã gây hiểu lầm và lừa dối -

Inglis: Chờ một chút. Thế ông ấy có nói dối không?

Craig: Đối với người dân Mỹ - ông ấy đã làm họ hiểu sai và không nói sự thật vào lúc đó.

Inglis: Được rồi, vậy là ông tin rằng – và cá nhân tổng thống đã nhất quyết ... rằng không có sự hợp pháp hay các chi tiết kỹ thuật nào che đậy sự thật đạo lý đơn giản. Vậy tổng thống có nói dối người dân Mỹ không khi ông nói “Tôi không bao giờ có quan hệ tình dục với người phụ nữ đó”?

Craig: Tổng thống không tin ông ấy đã làm, và vì cách thức – cho phép tôi giải thích – thưa nghị sĩ.

Inglis: Tổng thống không tin rằng ông ấy đã nói dối sao?

Craig: Không, ông ấy không tin rằng ông ấy đã nói dối, vì quan niệm của ông ấy về tình dục là quan niệm theo như định nghĩa của từ điển. Đó là điều mà thật ra ông có thể không đồng ý, nhưng trong suy nghĩ của ông ấy, định nghĩa của ông ấy không phải là –

Inglis: Được rồi, tôi hiểu lập luận đó.

Craig: Được rồi.

Inglis: Đây là một điều thật đáng kinh ngạc, rằng bây giờ ông ngồi trước mặt chúng tôi và ông rút lại tất cả những điều đó – tất cả những lời xin lỗi của ông ấy.

Craig: Không.

Inglis: Ông đang rút lại những lời xin lỗi đó, phải không?

Craig: Không, tôi không làm thế.

Inglis: Vì bây giờ ông đang quay lại với việc tranh luận – có nhiều lập luận mà ông có thể đưa ra ở đây. Một trong những lập luận đó là ông ấy không có quan hệ tình dục với cô ta. Đó là tình dục bằng mồm, đó không phải là tình dục thật sự. Bây giờ đó có phải đó là điều mà ông đang nói với chúng tôi hôm nay, rằng ông ấy không có quan hệ tình dục với cô Monica Lewinsky?

Craig: Điều ông ấy đã nói với người dân Mỹ là, ông ấy không có quan hệ tình dục. Và tôi hiểu ông không thích điều này, thưa nghị sĩ, vì ông sẽ thấy đây là sự biện hộ về mặt kỹ thuật hay việc trả lời lẩn tránh theo kiểu phân biệt tinh vi. Nhưng quan hệ tình dục được định nghĩa trong mọi cuốn từ điển theo một cách thức cụ thể, và ông ấy đã không có kiểu tiếp xúc tình dục đó với Monica Lewinsky ... Vì thế, ông ấy có lừa dối người dân Mỹ không? Có. Điều đó sai trái không? Có. Điều đó có đáng trách không? Có.

Luật sư của tổng thống thừa nhận, như Clinton đã làm, là mối quan hệ với cô thực tập sinh là sai trái, không thích hợp, và đáng trách, và phát biểu của tổng thống là “gây hiểu lầm và lừa dối” công luận. Điều duy nhất ông từ chối thừa nhận là tổng thống nói dối.

Điều gì đang được xem xét trong sự từ chối đó? Việc giải thích không thể chỉ đơn giản là giải thích về mặt pháp lý rằng nói dối - sau khi tuyên thệ trong một buổi cung khai hay trước tòa án - là cơ sở cho việc buộc tội khai man. Phát biểu mà ta đang xem xét không được đưa ra sau khi tuyên thệ, mà là một phát biểu trên truyền hình trước công chúng Mỹ. Thế mà người chất vấn phía đảng Cộng Hòa và người bào chữa của Clinton đều tin rằng điều quan trọng đang được xem xét nằm ở việc xác định xem liệu Clinton có nói dối không, hay chỉ gây hiểu lầm và lừa dối. Cuộc đối thoại sôi nổi về chữ “nói dối” – “Ông ấy có nói dối không?” – hỗ trợ quan điểm của Kant rằng có sự khác biệt thỏa đáng về mặt đạo lý giữa một lời nói dối và một sự thật gây hiểu lầm.

Nhưng sự khác biệt đó có thể là gì? Có thể cho rằng, dự định là như nhau trong cả hai trường hợp. Bất kể tôi nói dối tay sát thủ ở trước cửa hay lẩn tránh câu hỏi một cách khôn ngoan, dự định của tôi là khiến hắn tưởng lầm rằng bạn tôi không trốn trong nhà. Và theo lý thuyết đạo lý của Kant, chính dự định, hay động cơ, mới quan trọng.

Tôi nghĩ sự khác biệt là thế này: Sự lẩn tránh khéo léo thể hiện sự tôn trọng trách nhiệm nói thật theo một cách thức mà một lời nói dối thẳng thừng không thể làm được. Bất kỳ ai phải nhọc lòng dựng lên một lời nói thật nhưng gây hiểu lầm trong khi một lời nói dối sẽ giải quyết nhanh gọn, bất kể quanh co thế nào, cũng đều tôn trọng nguyên tắc đạo lý.

Một sự thật gây hiểu lầm sẽ bao gồm hai động cơ chứ không phải một. Nếu tôi nói dối kẻ giết người một cách đơn giản, tôi hành động vì một động cơ – bảo vệ bạn tôi không bị hại. Nếu tôi nói với kẻ sát thủ rằng tôi vừa thấy bạn tôi ở cửa hàng, tôi hành động vì hai động cơ – bảo vệ bạn tôi và đồng thời làm tròn trách nhiệm nói thật. Trong cả hai trường hợp, tôi đều theo đuổi một mục đích đáng khâm phục, là bảo vệ người bạn. Nhưng chỉ trong trường hợp thứ hai, tôi mới theo đuổi mục đích này theo một cách thức phù hợp với động cơ trách nhiệm.

Có người có thể phản đối rằng, cũng như một lời nói dối, một lời nói thật gây hiểu lầm không thể được phổ cập mà không mâu thuẫn. Nhưng ta hãy xem sự khác biệt: Nếu mọi người đều nói dối khi đứng trước một gã giết người trước cửa hay một vụ bê bối tình dục đáng hổ thẹn, thì không ai tin vào những lời nói đó nữa, và những lời nói đó sẽ không có tác dụng nữa. Nhưng những lời nói thật gây hiểu lầm thì khác. Nếu ai đó nhận thấy mình đang ở vào một tình huống nguy hiểm hay bối rối đã phải nghĩ ra những cách lẩn tránh một cách khéo léo, không nhất thiết mọi người sẽ không còn tin họ nữa. Thay vì thế, mọi người sẽ học cách lắng nghe như các luật sư và phân tích những phát biểu đó với sự chú trọng tới ý nghĩa từng câu từng chữ của nó. Đây chính xác là điều đã xảy ra khi báo chí và công luận trở nên quen thuộc với những lời phủ nhận bằng ngôn từ thận trọng của Clinton.

Quan niệm của Kant không phải là tình trạng này, trong đó dân chúng phân tích những lời phủ nhận của các chính khách theo ý nghĩa từng câu từng chữ của nó, thì bằng cách nào đó sẽ tốt hơn so với tình trạng mà trong đó không ai còn tin vào các chính khách nữa. Điều đó sẽ là một lập luận hệ quả. Mà đúng hơn, quan niệm của Kant là, một phát biểu gây hiểu lầm nhưng vẫn là sự

thật, thì không ép buộc hay điều khiển người nghe theo cùng một cách thức như một lời nói dối trắng trợn. Những người lắng nghe cẩn thận luôn luôn có thể nhận ra.

Vì thế sẽ có lý nếu ta kết luận rằng, theo lý thuyết đạo lý của Kant, những phát biểu sự thật nhưng gây hiểu lầm – đối với một kẻ giết người ngoài cửa, các nhà kiểm duyệt người Phổ, hay một công tố viên đặc biệt – là có thể chấp nhận được về mặt đạo lý theo một cách thức mà những lời nói dối không thể chấp nhận được. Bạn có thể cho rằng tôi đã cật lực làm việc để cứu Kant thoát khỏi một quan điểm không hợp lý. Suy cho cùng, nhận định của Kant cho rằng thật là sai trái khi nói dối một kẻ giết người ngoài cửa xem chừng không thể biện hộ được. Nhưng sự phân biệt giữa một lời nói dối thẳng thừng và một sự thật gây hiểu lầm giúp ta minh họa cho lý thuyết đạo lý của Kant. Và nó làm sáng tỏ điểm tương đồng đáng ngạc nhiên giữa Bill Clinton và nhà đạo đức học khổ hạnh từ thành phố Königsberg.

Kant và công lý

Không như Aristotle, Bentham và Mill, Kant không có những công trình nghiên cứu lớn về lý thuyết chính trị, mà chỉ có một vài bài tham luận. Thế nhưng, lập luận về đạo lý và tự do nổi lên từ các trước tác đạo lý của ông có những ý nghĩa mãnh liệt đối với công lý. Dù Kant không lý giải ý nghĩa một cách chi tiết, nhưng lý thuyết chính trị mà ông ủng hộ thì bác bỏ chủ nghĩa thỏa dụng thiên về lý thuyết công lý dựa vào một hợp đồng xã hội.

Trước tiên, Kant phản bác chủ nghĩa thỏa dụng không chỉ như nền tảng đạo lý cá nhân mà còn trên cơ sở luật pháp. Như ông nhìn nhận, một hiến pháp công bằng nhắm vào việc hài hòa tự do của mỗi cá nhân với tự do của mọi người khác. Nó không liên quan gì đến việc tối đa hóa độ thỏa dụng, mà “không có cơ sở gì để phải can thiệp” vào việc xác định các quyền cơ bản. Vì con người “có những quan điểm khác nhau về mục đích thực nghiệm của hạnh phúc và những gì bao gồm trong đó,” nên độ thỏa dụng không thể là nền tảng cho công lý và quyền của con người. Tại sao không? Vì đặt quyền con người dựa vào độ thỏa dụng sẽ đòi hỏi xã hội phải xác nhận hay bảo đảm cho khái niệm về hạnh phúc hơn so với những cái khác. Đặt hiến pháp dựa vào khái niệm cụ thể về hạnh phúc (như hạnh phúc của đại đa số chẳng hạn) sẽ áp đặt giá trị của những người khác lên một số người; điều đó sẽ không tôn trọng quyền của mỗi người theo đuổi mục đích riêng của họ. Kant viết: “Không ai có thể bắt tôi phải hạnh phúc phù hợp với nhận thức của người đó về phúc lợi của những người khác, vì mỗi người có thể mưu cầu hạnh phúc theo bất kể cách thức nào họ thấy phù hợp, miễn là họ không xâm phạm tự do của người khác” để làm điều đó.

Đặc điểm phân biệt thứ hai của lý thuyết chính trị của Kant là nó đi đến công lý và quyền con người từ một hợp đồng xã hội – nhưng là hợp đồng xã hội với một điểm rắc rối. Các nhà tư tưởng hợp đồng trước đây, như Locke, lập luận rằng chính phủ hợp pháp phát sinh từ một hợp đồng xã hội giữa mọi người, vào một lúc nào đó, cùng quyết định về những luật lệ cai quản cuộc sống tập thể của họ. Kant nhìn nhận hợp đồng xã hội theo một cách khác. Cho dù chính phủ hợp pháp phải dựa vào một hợp đồng ban đầu, “chúng ta không thể bằng cách nào đó giả định rằng hợp đồng này ... thật sự tồn tại như một *sự kiện thực tế*, vì nó không thể nào có được như thế.” Kant khẳng định rằng hợp đồng ban đầu không phải là thực tế mà là tưởng tượng.

Tại sao lại đi đến một hiến pháp công bằng từ một hợp đồng tưởng tượng thay vì một hợp đồng thực tế? Một lý do là về mặt thực hành: Người ta thường khó mà chứng minh về mặt lịch sử, trong lịch sử lâu đời của các nước, rằng các hợp đồng xã hội đã có bao giờ diễn ra. Lý do thứ hai là về triết học: Ta không thể suy ra các nguyên tắc đạo lý chỉ từ các sự kiện thực nghiệm mà thôi. Hệt như nguyên tắc đạo lý không thể dựa vào quyền lợi hay mong muốn của các cá nhân, các luật lệ công lý cũng không thể dựa vào quyền lợi hay mơ ước của một cộng đồng. Chỉ với sự kiện là một nhóm người trong quá khứ đã đồng ý với một hiến pháp thì không đủ để làm cho hiến pháp đó công bằng.

Loại hợp đồng tưởng tượng nào có thể giúp tránh được vấn đề này? Kant gọi một cách đơn giản đó là “*ý tưởng* về lí tính, tuy thế vẫn là một thực tế thực hành rõ ràng; vì nó buộc mọi nhà làm luật phải xây dựng luật pháp sao cho luật có thể được tạo ra bởi ý chí thống nhất của toàn thể quốc gia,” và buộc mỗi người dân “như thể họ đã đồng thuận.” Kant kết luận rằng bộ luật đồng thuận tập thể này “là phép kiểm nghiệm tính đúng đắn của mọi bộ luật nhà nước.”

Kant không cho ta biết hợp đồng tưởng tượng này xem ra như thế nào hay sẽ tạo ra những nguyên tắc công lý nào. Gần hai thế kỷ sau, nhà triết học chính trị người Mỹ John Rawls sẽ cố gắng trả lời những câu hỏi này.